

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ THANH NGÀ

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH TỪ THỰC TIỄN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật hành chính

Mã số: 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

TS. TRẦN KIM LIỄU

HÀ NỘI, năm 2016

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình làm luận văn tốt nghiệp, tôi đã nhận được sự quan tâm, giúp đỡ tận tình của Ban Giám đốc Học viện Khoa học và xã hội, phòng Quản lý đào tạo trực thuộc Học viện Khoa học và xã hội. Nhân đây tôi xin cảm ơn Ban lãnh đạo và chuyên viên Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Quảng Ngãi, quý thầy, cô giáo, đồng nghiệp, gia đình và bạn bè đã tạo điều kiện về thời gian, hướng dẫn nội dung và cung cấp những thông tin, tài liệu cần thiết, đặc biệt là Tiến sỹ Trần Kim Liễu đã tận tình hướng dẫn để giúp cho tôi hoàn thành luận văn thạc sĩ này.

Với thời gian có hạn cùng với lượng kiến thức còn hạn chế, bản thân tôi đã cố gắng để hoàn thành luận văn đúng tiến độ nhưng chắc không thể tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý và chỉ bảo từ các thầy cô và các bạn. Xin chân thành cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn “Quản lý nhà nước về du lịch từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi” là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi.

Các thông tin, số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là trung thực

Tác giả luận văn

Lê Thị Thanh Nga

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước về du lịch	7
1.2. Nội dung quản lý nhà nước về du lịch	14
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về du lịch	21
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH Ở TỈNH QUẢNG NGÃI	25
2.1. Tình hình phát triển - kinh tế xã hội, tiềm năng và thế mạnh du lịch của tỉnh Quảng Ngãi.....	25
2.2. Tình hình phát triển du lịch Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015.....	32
2.3. Thực trạng quản lý nhà nước về du lịch ở tỉnh Quảng Ngãi.....	34
2.4. Đánh giá chung về quản lý nhà nước về du lịch tại tỉnh Quảng Ngãi hiện nay	50
CHƯƠNG 3. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH	58
3.1. Quan điểm tăng cường quản lý nhà nước về du lịch	58
3.2. Các giải pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về du lịch	60
KẾT LUẬN	73
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CNH-HĐH	Công nghiệp hóa - Hiện đại hoá
DV-DL	Dịch vụ - Du lịch
DV-DL-TM	Dịch vụ - Du lịch - Thương mại
DL	Du lịch
DV	Dịch vụ
HDDL	Hoạt động du lịch
KT-XH	Kinh tế - xã hội
NN	Nhà nước
QPPL	Quy phạm pháp luật
QLNN	Quản lý nhà nước
QL	Quản lý
UBND	Ủy ban nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu của du lịch Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015.....	34
Bảng 2.2. Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020	40
Bảng 2.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy QLNN về du lịch ở địa phương.....	47
Bảng 3.1. Các chỉ tiêu phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020.....	59

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quảng Ngãi là một tỉnh ven biển nằm ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ, từ lâu Quảng Ngãi được biết đến với những danh thắng như Thiên Ân niêm hà, Thiên Bút phê vân... là biểu tượng của một vùng đất địa linh nhân kiệt. Quảng Ngãi còn nổi tiếng với những bờ biển sạch đẹp trải dài theo những bãi cát trắng xóa cùng những rừng dương xanh ngút, tạo nên những bãi tắm lý tưởng như: Sa Huỳnh, Mỹ Khê, Khe Hai... Quảng Ngãi là vùng đất có sự hòa hợp của những dòng sông xen lẫn núi đồi, ghềnh thác cùng nhiều di tích, kiến trúc cổ, nhiều danh lam, thắng cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp và hữu tình có giá trị phát triển thành các khu du lịch nghỉ dưỡng hấp dẫn, là nơi giao thoa của 3 nền văn hóa: Sa Huỳnh, Chăm-pa và Đại Việt và là nơi hội tụ đủ các yếu tố địa lý, lịch sử và nhân văn để phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch biển đảo, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch về nguồn... tạo cho Quảng Ngãi tiềm năng lớn để phát triển du lịch.

Với thế mạnh đó, những năm qua ngành du lịch Quảng Ngãi đã đạt mức tăng trưởng khá cao, góp phần làm cho tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh ngày càng tăng, tạo ra công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho một bộ phận người dân địa phương, đóng góp nguồn ngân sách cho tỉnh nhà.

Mặc dù được thiên nhiên vô cùng ưu đãi và có tiềm năng lớn để trở thành một địa điểm hấp dẫn, là nguồn tăng ngân sách địa phương nhưng thực tế du lịch Quảng Ngãi hiện nay vẫn còn đứng ở vị trí khá khiêm tốn so với các tỉnh ở Miền Trung nói riêng và du lịch cả nước nói chung dù cũng đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ nhưng vẫn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng, thế mạnh mà du lịch nơi đây có được. Nguyên nhân đặc biệt quan

trọng là hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch của chính quyền cấp tỉnh vẫn còn thấp, đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch chưa được quan tâm đúng mức, nghèo nàn về sản phẩm dịch, đội ngũ nhân lực thiếu chuyên nghiệp, cộng với sự thiếu thôn trầm trọng các nguồn lực đầu tư đã tạo ra những rào cản không nhỏ đối với sự phát triển của ngành du lịch.

Tất cả những hạn chế nêu trên dù chủ quan hay khách quan cũng đều xuất phát từ sự yếu kém trong công tác quản lý nhà nước về du lịch. Thực tiễn này đòi hỏi phải có một công trình đi sâu vào nghiên cứu để tìm ra những bước đi đúng hướng, thúc đẩy vai trò của quản lý nhà nước về du lịch giúp Quảng Ngãi tận dụng được những lợi thế so sánh và trở thành điểm đến được nhiều du khách lựa chọn trên hành trình khám phá thiên nhiên của mình. Chính vì lẽ đó tôi đã chọn đề tài "*Quản lý nhà nước về du lịch từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi*" nhằm nghiên cứu, đề xuất những giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về du lịch, thúc đẩy ngành du lịch tỉnh Quảng Ngãi phát triển, thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Du lịch và quản lý nhà nước về du lịch là vấn đề được rất nhiều chuyên gia, nhà khoa học và cả các nhà quản lý quan tâm nghiên cứu. Tại Việt Nam, đã có một số công trình nghiên cứu về lĩnh vực du lịch ở nhiều cấp độ khác nhau:

Trịnh Đăng Thanh (2004) "*Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch ở Việt Nam hiện nay*", Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

TS. Đỗ Thị Thanh Hoa (2005) "*Nghiên cứu đề xuất giải pháp đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch Việt Nam tại một số thị trường du lịch quốc tế trọng điểm*", Đề tài cấp nhà nước, Viện nghiên cứu phát triển du lịch.

Ths. Lê Văn Minh (2006), "*Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đầu tư phát triển khu du lịch*", Đề tài cấp bộ, Viện nghiên cứu phát triển du lịch.

Nguyễn Minh Đức (2007), "*Quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại, du lịch tỉnh Sơn La trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*", Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Trần Xuân Ảnh (2007), "*Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về thị trường du lịch*", Tạp chí Quản lý nhà nước, số 132.

Nguyễn Văn Mạnh (2007), "*Để du lịch Việt Nam phát triển nhanh và bền vững sau khi gia nhập WTO*", Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 115.

Vũ Khoan (2005), "*Đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn vào năm 2010*", Tạp chí Du lịch, số 11.

Trịnh Đăng Thanh (2004), "*Một số suy nghĩ về công tác quản lý nhà nước đối với ngành du lịch*", Tạp chí Quản lý nhà nước, số 98.

Võ Thị Thắng (2001), "*Tăng cường quản lý nhà nước để du lịch Việt Nam phát huy vai trò ngành kinh tế mũi nhọn*", Tạp chí Quản lý nhà nước, số 7 (66).

Hoàng Anh Tuấn (2007), "*Du lịch Việt Nam - Thành tựu và phát triển*", Tạp chí Quản lý nhà nước, số 133.

Trần Nguyễn Tuyên (2005), "*Du lịch Việt Nam phát triển theo hướng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*", Tạp chí Quản lý nhà nước, số 114.

Nguyễn Văn Hậu (2007), "*Vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường*", Tạp chí Quản lý nhà nước, số 139.

Nguyễn Văn Mạnh (2007), "*Để du lịch Việt Nam phát triển nhanh và bền vững sau khi gia nhập WTO*", Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 115.

Trần Thị Kim Hoa, (2015), "*Quản lý nhà nước về du lịch từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*", Luận văn thạc sỹ chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, Học viện khoa học xã hội.

Đối với tỉnh Quảng Ngãi có những công trình nghiên cứu về du lịch ở khía cạnh khác nhau, cụ thể:

Lê Trọng (2007), "*Lý Sơn – Đảo Du lịch lí tưởng*", Nhà xuất bản Văn

hóa thông tin.

Nguyễn Đăng Vũ (2001), “*Quảng Ngãi - một số vấn đề lịch sử, văn hóa*”, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.

Lê Hoàng Tân (2011), “*Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020*”, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

Cao Thanh Thuận, (2015) “*Nghiên cứu phát triển du lịch huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi*”, Luận văn thạc sỹ chuyên ngành Du lịch, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận quản lý nhà nước về du lịch, pháp luật về quản lý du lịch và quản lý nhà nước về du lịch của tỉnh Quảng Ngãi, đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về du lịch nhằm thúc đẩy ngành du lịch của tỉnh phát triển nhanh, bền vững.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Làm rõ khái niệm, đặc điểm, nội dung, vai trò của quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về du lịch ở nước ta hiện nay.

Phân tích tiềm năng du lịch, thực trạng quản lý nhà nước về du lịch của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, từ đó đánh giá các kết quả đạt được, hạn chế trong quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh.

Đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến nhằm khai thác lợi thế, tiềm năng du lịch của tỉnh Quảng Ngãi ngày càng hiệu quả.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Những vấn đề lý luận và hệ thống quy định pháp luật của quản lý nhà

nước về du lịch.

Thực tiễn hoạt động du lịch, quản lý nhà nước về du lịch ở tỉnh Quảng Ngãi.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Tỉnh Quảng Ngãi; đồng thời, trong quá trình nghiên cứu, luận văn có tìm hiểu tổng quát về hoạt động du lịch và quản lý hoạt động du lịch trên phạm vi cả nước.

Phạm vi thời gian: Luận văn nghiên cứu quản lý nhà nước về du lịch tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Cơ sở lý luận của việc nghiên cứu đề tài là những luận điểm trong học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ biện chứng giữa kiến trúc thượng tầng và hạ tầng kinh tế; các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đường lối đổi mới lĩnh vực du lịch, các Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương cũng như các văn bản pháp luật đối với công tác quản lý nhà nước về du lịch và hoạt động du lịch. Đồng thời, tác giả có tham khảo và kế thừa có chọn lọc một số công trình nghiên cứu của các nhà khoa học liên quan đến lĩnh vực này.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp cụ thể được tác giả sử dụng trong luận văn là: phương pháp thống kê, thu thập số liệu, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp xã hội học, phương pháp tổng hợp và các phương pháp nghiên cứu khác.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Trên cơ sở những quy định của pháp luật về quản lý nhà nước đối với

hoạt động du lịch và từ thực tiễn công tác, luận văn hệ thống hoá đầy đủ hơn về lý luận và thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch, đồng thời kiến nghị hoàn thiện một số quy định pháp luật liên quan đến quản lý nhà nước về du lịch, đề xuất một số giải pháp khác nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Quản lý Nhà nước về Du lịch nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn Quảng Ngãi, làm rõ những thành quả và hạn chế, lý giải nguyên nhân của thực trạng đó; đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật của quản lý nhà nước về du lịch.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về du lịch ở tỉnh Quảng Ngãi.

Chương 3: Quan điểm và giải pháp tăng cường quản lý về du lịch ở tỉnh Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH

1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước về du lịch

1.1.1. Khái niệm quản lý nhà nước về du lịch

1.1.1.1. Khái niệm du lịch

Hoạt động du lịch đã xuất hiện rất lâu trong lịch sử phát triển của loài người, song cho đến nay khái niệm du lịch còn được hiểu khác nhau. Một chuyên gia du lịch đã nhận định “đối với du lịch, có bao nhiêu tác giả nghiên cứu thì có bấy nhiêu định nghĩa”.

Ở nước Anh, du lịch xuất phát từ tiếng "To Tour" có nghĩa là cuộc dạo chơi (Tour round the world-cuộc đi vòng quanh thế giới; to go for tour round the town- cuộc dạo quanh thành phố; tour of inspection- cuộc kinh lý kiểm tra, ...). Tiếng Pháp, từ du lịch bắt nguồn từ Le Tour có nghĩa là cuộc dạo chơi, dã ngoại.

Năm 1930, Glusmam - người Thụy Sĩ cho rằng “Du lịch là sự chinh phục không gian của những người đến một địa điểm mà ở đó họ không có chỗ cư trú thường xuyên”.

Theo định nghĩa của Tổ chức Du lịch thế giới của Liên Hợp Quốc: “Du lịch bao gồm tất cả các hoạt động của những người du hành, tạm trú, trong mục đích tham quan, khám phá và tìm hiểu, trải nghiệm hoặc trong mục đích nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn; cũng như mục đích hành nghề và những mục đích khác nữa, trong thời gian liên tục không quá một năm, ở bên ngoài môi trường sống định cư; nhưng loại trừ các du hành mà có mục đích chính là kiếm tiền. Du lịch cũng là một dạng nghỉ ngơi năng động trong môi trường sống khác hẳn nơi định cư”.

Khác với quan điểm trên, các học giả biên soạn Từ điển Bách Khoa toàn thư Việt Nam (1966) đã tách hai nội dung cơ bản của du lịch thành hai phần riêng biệt.

Thứ nhất (đứng trên góc độ mục đích của chuyến đi): “*du lịch là một dạng nghỉ dưỡng sức tham quan tích cực của con người ngoài nơi cư trú với mục đích: nghỉ ngơi, giải trí, xem danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá, nghệ thuật*” [16]

Thứ hai (đứng trên góc độ kinh tế): “*du lịch là một ngành kinh doanh tổng hợp có hiệu quả cao về nhiều mặt: nâng cao hiểu biết về thiên nhiên, truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, từ đó góp phần tăng thêm tình yêu đất nước; đối với người nước ngoài là tình hữu nghị với dân tộc mình; về mặt kinh tế, du lịch là lĩnh vực kinh doanh mang lại hiệu quả rất lớn: có thể coi là hình thức xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ tại chỗ*”. [16]

Theo Luật du lịch Việt Nam do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày 14-6-2005 đưa ra định nghĩa : “*Du lịch là một hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm thỏa mãn nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định.*”

Tuy nhiên, nhìn một cách tổng quát các phương diện, có thể thống nhất rằng: Du lịch là các hoạt động có tính tổng hợp từ hướng dẫn, trao đổi hàng hóa đến thỏa mãn nhu cầu tham quan, giải trí của con người trong một thời gian nhất định. Hoạt động du lịch vừa có đặc điểm của ngành kinh tế, lại có đặc điểm của ngành kinh tế - xã hội, không những đem lại lợi ích kinh tế mà còn cả lợi ích chính trị, văn hóa, xã hội.

1.1.1.2. Khái niệm quản lý nhà nước về du lịch

Về khái niệm QL, quan niệm trước đây cho rằng: QL chủ yếu là giữ cho đối tượng nguyên vẹn, không suy chuyển, bắt nó vận động theo ý muốn chủ

quan của chủ thể QL. Quan niệm hiện nay cho rằng: “ QL là sự tác động có tổ chức, có mục đích của chủ thể QL vào đối tượng QL nhằm đạt mục tiêu đã đề ra” [13, tr.11].

QL đó là khả năng mà xã hội có thể sử dụng để tổ chức và điều chỉnh cuộc sống của mình. Người ta có thể nói rằng: lao động, trí thức, QL là ba nhân tố tạo nên sự phát triển của xã hội, trong đó có vai trò kết hợp trí thức với lao động. Tuy nhiên, trong thực tế ba nhân tố đó liên kết rất chặt chẽ với nhau. QL nói cụ thể hơn là phương tiện tổ chức cuộc sống xã hội, nhằm hướng nó phát triển theo mục đích đã định trước một cách có trật tự, kỷ luật.

Như vậy, QL là tiến trình, hoạt động hoặc giám sát việc thực thi nhiệm vụ để đảm bảo rằng các hoạt động trong tổ chức được thực hiện theo hướng đạt được các mục tiêu đã đề ra của tổ chức - đặc biệt là nhiệm vụ tạo ra và duy trì các điều kiện để thực hiện tốt mục tiêu thông qua việc kết hợp những nỗ lực của các nhóm khác nhau trong tổ chức, cũng là một nhóm người trong tổ chức liên quan đến việc QL tổ chức đó.

QLNN có thể được định nghĩa như sau: *QLNN là sự tác động mang tính tổ chức, điều chỉnh trên cơ sở khoa học và kế hoạch của các chủ thể QLNN đối với quá trình phát triển xã hội, được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục nhằm đạt tới mục tiêu định trước.* Theo quan niệm này thì QLNN là hoạt động của tất cả các cơ quan NN từ Quốc hội, Chính phủ đến các cơ quan NN khác thông qua pháp luật. NN có thể trao quyền của mình cho các cá nhân hay các tổ chức xã hội, để các chủ thể đó thay mặt NN tiến hành hoạt động QLNN.

Mặt khác QLNN còn được hiểu theo nghĩa hẹp đó là QLNN trong lĩnh vực hành pháp gọi là QL hành chính NN. QL hành chính NN là một hình thức hoạt động của NN được thực hiện trước hết và chủ yếu bởi các cơ quan hành chính NN, có nội dung là bảo đảm sự chấp hành Luật, Pháp lệnh và các Nghị

quyết của cơ quan quyền lực NN, nhằm tổ chức và chỉ đạo thực hiện một cách trực tiếp và thường xuyên đối với công cuộc xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội, hành chính - chính trị của nước ta.

QL hành chính NN còn được gọi là hoạt động chấp hành - điều hành của các cơ quan hành chính NN hoặc các tổ chức được NN trao quyền và được điều chỉnh bằng ngành Luật Hành chính.

Từ những trình bày trên đây về du lịch và quản lý nhà nước, có thể định nghĩa: *Quản lý nhà nước về du lịch là quá trình tác động của Nhà nước đến du lịch thông qua các công cụ quản lý nhằm bảo đảm cho lĩnh vực này phát triển phù hợp với lợi ích của NN, của xã hội, phát triển đúng định hướng của Nhà nước, tạo nên sự công bằng trong hoạt động du lịch để du lịch thực sự là một ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực kinh tế trong và ngoài nước trong điều kiện mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế. QLNN về DL là hoạt động của NN nhằm tác động mang tính tổ chức lên các quá trình của HDDL bảo đảm cho lĩnh vực này phát triển phù hợp với lợi ích của NN, của xã hội.*

Sự QL đối với lĩnh vực HDDL được thực hiện bởi các cơ quan NN, song chủ yếu là do các cơ quan NN chuyên ngành thực hiện. Cơ quan NN chuyên ngành được NN thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy. Trong hoạt động QLNN đối với HDDL hiện nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và DL ở Trung ương; Sở Văn hoá, Thể thao và DL các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phòng Văn hoá - Thông tin các huyện, Quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố.

1.1.2. Đặc điểm của quản lý nhà nước về du lịch

Trong điều kiện ở nước ta hiện nay, QLNN đối với HDDL có những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, về chủ thể QL: Chính phủ thống nhất QLNN về DL; Bộ Văn

hoá, Thể thao và DL là cơ quan ở Trung ương tham mưu và QL trực tiếp về các HDDL trong cả nước; Sở Văn hoá, Thể thao và DL là cơ quan QL về DL ở phạm vi cấp tỉnh; phòng Văn hoá - Thông tin QL trực tiếp các HDDL ở phạm vi cấp huyện. Như vậy, NN là chủ thể tổ chức và QL các HDDL diễn ra trong nền kinh tế thị trường. Sự QL của NN phải bảo đảm cho HDDL có tính tổ chức cao, ổn định, công bằng và có định hướng rõ rệt. Để có được điều đó, NN phải ban hành pháp luật và dùng pháp luật để tác động vào lĩnh vực DL. Ở đây, pháp luật với tư cách là những qui tắc, chuẩn mực bắt buộc chung sẽ được NN sử dụng như một công cụ hiệu nghiệm nhất và không thể thiếu trong việc QL HDDL.

Sự QL của NN bằng pháp luật phải nhằm tạo lập được những cân đối chung, điều tiết được thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các HDDL; xử lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội theo tinh thần "*Tất cả vì dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh*" - một trong những mục tiêu mà công cuộc xây dựng NN pháp quyền hiện nay ở nước ta hướng tới.

Thứ hai, về đối tượng QL: Đối tượng QL trong HDDL rất phức tạp, nhiều thành phần, từ các doanh nghiệp đến cộng đồng dân cư và khách DL trong quá trình khai thác tài nguyên DL. NN phải QL các đối tượng này nhằm đảm bảo khai thác tài nguyên và phát triển DL một cách hợp lý, theo đúng định hướng, quy hoạch của NN; giữ gìn được bản sắc văn hoá dân tộc trong giao lưu và hợp tác với các nền văn hoá trên thế giới; QL để giữ vững an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội trong HDDL,...tránh tình trạng phát triển DL không theo quy hoạch chung của cả nước, của địa phương và không đảm bảo về an ninh, trật tự trên địa bàn, phá vỡ môi trường sinh thái và bản sắc văn hoá dân tộc...

Thứ ba, về nội dung QL có những đặc thù so với nội dung QL của các

lĩnh vực khác. Bởi vì, HDDL luôn vận động và biến đổi không ngừng, chịu tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau trong cùng một thời điểm như về tình hình kinh tế, dịch bệnh, tình hình an ninh của từng khu vực, quốc gia, về nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng của tổ chức, cá nhân mà nội dung QL phải được điều chỉnh cho phù hợp.

Thứ tư, về phương pháp QL, ngoài việc ban hành các văn bản QPPL và văn bản áp dụng pháp luật để đảm bảo hành vi xử sự cần thiết của đối tượng QL nhằm duy trì QL theo đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định thì tại các địa điểm DL, NN đồng thời phải làm công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng cư dân địa phương và du khách thực hiện một số nội dung khác nhằm bảo vệ môi trường, khôi phục lại các giá trị văn hoá truyền thống của địa phương....khác với một số ngành, lĩnh vực khác, NN chỉ ban hành văn bản QPPL để bắt buộc thực hiện, nếu không thực hiện sẽ tiến hành xử lý bằng nhiều hình thức, trong đó có biện pháp cưỡng chế.

Thứ năm, về mức độ xã hội hoá hoạt động QL về DL tương đối nhiều hơn so với các ngành, lĩnh vực khác. Một số doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân được NN giao quyền QL đối với một số HDDL như khai thác tài nguyên DL, QL các khu, điểm vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng... Vì vậy, việc QLNN đối với HDDL được xã hội hoá một cách tối đa nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong công tác QL các HDDL.

1.1.3. Vai trò của quản lý nhà nước về du lịch

Du lịch là một hiện tượng, một yếu tố cấu thành nên các hình thái kinh tế xã hội. Bên cạnh các quy luật chung, nó hình thành, vận động, phát triển theo những quy luật phát triển riêng của mình. Thực chất quá trình quản lý các hoạt động du lịch chính là việc tác động đến chúng nhằm thực hiện các mục tiêu đã định trước. Chính vì vậy để đảm bảo cho ngành kinh tế du lịch phát triển ổn định, phát huy tối đa những lợi ích và hạn chế những mặt tiêu

cực thì cần phải có sự quản lý của nhà nước. Vai trò của quản lý nhà nước về du lịch thể hiện ở các mặt:

1.1.3.1. Vai trò định hướng

Nhà nước có vai trò định hướng phát triển du lịch và hướng dẫn các nhà kinh doanh trong lĩnh vực du lịch hoạt động hướng theo các mục tiêu phát triển du lịch của Nhà nước đề ra. Thông qua các công cụ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, hệ thống chính sách, thông tin nhằm định hướng quá trình phát triển du lịch.

Thiết lập khuôn khổ pháp lý thông qua việc ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về du lịch, vừa tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng để các nhà kinh doanh du lịch yên tâm đầu tư, kinh doanh, theo chức năng Nhà nước có thể kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh du lịch trên thị trường.

1.1.3.2. Vai trò tổ chức

Tổ chức là một chức năng quan trọng của quản lý nhà nước về du lịch. Nhà nước sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị kinh doanh du lịch, đảm bảo công tác tổ chức, quy hoạch các khu, các điểm du lịch đảm bảo hoạt động hiệu quả.

Nhà nước tổ chức lại hệ thống quản lý, sắp xếp lại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch từ Trung ương đến cơ sở, đổi mới thể chế và thủ tục hành chính, đào tạo và đào tạo lại, sắp xếp các cán bộ, công chức quản lý nhà nước và quản lý doanh nghiệp, thiết lập các mối quan hệ hợp tác về du lịch với các nước và các tổ chức du lịch quốc tế.

1.1.3.3. Vai trò điều tiết các hoạt động du lịch và can thiệp thị trường

Nhà nước là người đại diện quyền lợi hợp pháp của mọi chủ thể kinh doanh nói chung và kinh doanh du lịch nói riêng, khuyến khích và đảm bảo cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật, chống độc quyền. Một mặt, Nhà nước hướng dẫn, kích thích các doanh nghiệp du lịch hoạt động theo định hướng đã vạch ra. Mặt khác,

Nhà nước phải can thiệp, điều tiết thị trường khi cần thiết để đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Trong hoạt động kinh doanh du lịch ở nước ta hiện nay, cạnh tranh chưa bình đẳng, không lành mạnh là một trong những vấn đề gây trở ngại cho quá trình phát triển. Do vậy, Nhà nước phải có vai trò điều tiết mạnh.

Nhà nước có thể sử dụng nhiều công cụ, biện pháp khác nhau để điều tiết, can thiệp thị trường và hoạt động kinh doanh du lịch, xử lý đúng đắn mâu thuẫn của các quan hệ gây ảnh hưởng đến môi trường du lịch.

1.1.3.4. Vai trò kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

Nhà nước giám sát hoạt động của mọi chủ thể kinh doanh du lịch cũng như chế độ quản lý của các chủ thể đó (về mặt đăng ký kinh doanh, chất lượng và tiêu chuẩn sản phẩm, nghĩa vụ nộp thuế...).

Quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng, việc bảo vệ tài nguyên du lịch, môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc trong hoạt động phát du lịch.

Nhà nước cũng phải kiểm tra, đánh giá sức mạnh của hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về du lịch cũng như năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về du lịch.

Nhà nước phát hiện những lệch lạc, nguy cơ chệch hướng hoặc vi phạm pháp luật và các quy định của nhà nước, từ đó đưa ra các quyết định điều chỉnh thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước về du lịch. Xử lý nghiêm về mặt hành chính đối với các vi phạm trong hoạt động du lịch.

1.2. Nội dung quản lý nhà nước về du lịch

QLNN đối với HDDL trong mỗi giai đoạn phát triển của nền KT-XH ở nước ta được xác định cụ thể, phản ánh những nhu cầu khách quan của từng giai đoạn đó. Bước vào thời kỳ đổi mới, để đảm bảo cho HDDL phát triển mạnh mẽ, trở thành ngành kinh tế trọng điểm, mũi nhọn, trước đòi hỏi phải có một tổ chức bộ máy QLNN về DL ổn định với những chức năng QLNN về

DL được xác định rõ, đến năm 2007, Chính phủ đã tổ chức lại hệ thống QL ngành DL, theo đó: “Bộ Văn hoá, Thể thao và DL là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng QLNN về văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và DL trong phạm vi cả nước; QLNN các dịch vụ công thuộc lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và DL theo quy định của pháp luật”

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta đã xác định: Phát triển DL là một hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển KT-XH của Đảng và NN nhằm góp phần thực hiện CNH-HĐH đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. HDDL phải đồng thời đạt hiệu quả cao trên nhiều mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam, NN Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam luôn định hướng cho ngành DL phải phát triển nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu phục vụ cuộc sống nhân dân, từng bước đưa nước ta trở thành một trung tâm DL có tầm cỡ trong khu vực; phát triển lĩnh vực DL thực sự thành ngành kinh tế mũi nhọn. Trên những cơ sở định hướng đó, NN Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã đề ra những nhiệm vụ thuộc chức năng QLNN đối với HDDL như sau:

Một cách khái quát, những quy định hiện hành của pháp luật về DL đã quy định nội dung QLNN đối với HDDL, bao gồm:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển DL.
- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản QPPL, tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động DL.
- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về DL.
- Tổ chức, QL hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ.
- Tổ chức điều tra, đánh giá tài nguyên DL để xây dựng quy hoạch phát

triển DL, xác định khu DL, điểm DL, tuyến DL, đô thị DL.

- Tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về DL, hoạt động xúc tiến DL ở trong nước và nước ngoài.

- Quy định tổ chức bộ máy QLNN về DL, sự phối hợp của các cơ quan NN trong QLNN về DL.

- Cấp, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về HDDL.

- Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về DL [19, Điều 10].

Như vậy là các nội dung QLNN đối với HDDL có thể chia thành những nội dung chính, cơ bản sau:

Một là, *xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật về DL; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển DL*

Mục tiêu của Đảng và NN ta là hướng tới xây dựng một ngành DL hiện đại nhưng vẫn mang đậm đà bản sắc dân tộc; một ngành kinh tế mũi nhọn tạo điều kiện cho các ngành kinh tế khác phát triển, góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Bởi vậy, việc xây dựng và ban hành một hệ thống pháp luật cần và đủ để đảm bảo sự vận hành tự do, an toàn cho mọi HDDL trong nền kinh tế thị trường là một trong những nội dung lớn của QLNN về DL.

Trên thực tế, nội dung này đòi hỏi NN, trước hết phải giành sự ưu tiên cho hoạt động lập pháp. HDDL chỉ có thể vận hành và phát triển và công tác QLNN về DL chỉ đạt hiệu quả khi NN có trong tay một hệ thống pháp luật đầy đủ, thông thoáng, phù hợp với nội dung và tính chất của các quan hệ DL trong nền kinh tế thị trường.

Trong hoạt động xây dựng chính sách, quy hoạch, kế hoạch, theo quy định của Chính phủ, Bộ Văn hoá - Thể thao và DL là cơ quan của Chính phủ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn QLNN, trong đó có lĩnh vực DL trên

phạm vi cả nước. Bộ Văn hoá - Thể thao và DL chủ trì hoặc tham gia soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo văn bản QPPL về DL và các văn bản QPPL khác liên quan đến DL theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, các chương trình, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm ...

Có thể nêu một số ví dụ như: Luật Du lịch năm 2005, Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển DL Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị định số: 16/2012/NĐ-CP ngày 12/3/2012 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực DL; Thông tư số 47/2010/TT-BTC ngày 12/4/2010 của Bộ Tài chính quy định về chế độ thu, nộp, QL và sử dụng phí thẩm định xếp hạng cơ sở lưu trú DL và phí thẩm định cơ sở kinh doanh DV đạt tiêu chuẩn phục vụ khách DL;...

Hai là, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về du lịch

Để thực hiện QLNN đối với HDDL, cần thiết phải có một hệ thống tổ chức bộ máy QLNN về DL từ trung ương đến cơ sở. Hiện nay, Chính phủ thống nhất QLNN về DL. Cơ quan QLNN về DL ở trung ương là Bộ Văn hoá - Thể thao và DL chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện QLNN về DL. Các nội dung về tổ chức bộ máy QLNN đối với HDDL quy định rõ nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Văn hoá - Thể thao và DL, các bộ, ngành liên quan, Chính quyền cấp tỉnh, huyện, xã về QLNN trong lĩnh vực DL nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về DL. Thông qua việc phân cấp QL, nâng cao chất lượng giải quyết công việc QLNN trong lĩnh vực DL nhằm thúc đẩy phát triển DL thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Về vị trí và chức năng: Bộ Văn hoá, Thể thao và DL là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng QLNN về văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và DL trong phạm vi cả nước; QLNN đối với các DV công thuộc lĩnh vực văn

hoá, gia đình, thể dục, thể thao và DL theo quy định của pháp luật.

Về nhiệm vụ và quyền hạn: Bộ Văn hoá, Thể thao và DL thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và những nhiệm vụ, quyền hạn đối với lĩnh vực DL, cụ thể như sau:

Trình Chính phủ các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật của Bộ đã được phê duyệt và các đề án khác theo sự phân công của Chính phủ.

Trình Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm; chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hành động và các dự án, công trình quan trọng quốc gia; các dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và DL.

Trình Thủ tướng Chính phủ các giải thưởng, danh hiệu vinh dự NN thuộc lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và DL; quyết định thành lập các Hội đồng quốc gia về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và DL.

Ban hành các quyết định, chỉ thị, thông tư thuộc phạm vi QLNN của Bộ.

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản QPPL, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt thuộc phạm vi QLNN của Bộ; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực QLNN của Bộ.

Đối với các cấp chính quyền địa phương, theo Nghị định 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Sở Văn hoá, Thể thao và DL là cơ quan QLNN về DL trên địa bàn cấp tỉnh; Theo quy định tại

Nghị định 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh thì phòng Văn hoá - Thông tin là cơ quan QLNN về DL trên địa bàn cấp huyện.

Các cơ quan này có chức năng tham mưu cho UBND cùng cấp ban hành kế hoạch, quy hoạch dài hạn, 05 năm và hằng năm về lĩnh vực DL; tổ chức thực hiện pháp luật trong lĩnh vực HDDL thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về DL. Sử dụng và áp dụng pháp luật đúng đắn trong công tác QLNN về DL, cụ thể: QL khai thác tài nguyên DL, môi trường DL; QL quy hoạch, kế hoạch và đầu tư phát triển DL; QL lưu trú, ăn uống, khách sạn, DV; QL lữ hành, hướng dẫn DL; QL hoạt động quảng bá, quảng cáo, xúc tiến và thông tin DL; QL đối với khách DL; QL về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực DL.

Tuy nhiên, đối với chính quyền địa phương, việc thành lập tổ chức bộ máy QLNN để QL HDDL còn nhiều bất cập, cứng nhắc, khuôn khổ. Vì thực tế hiện nay, do điều kiện, hoàn cảnh và nguồn tài nguyên DL ở mỗi địa phương có khác nhau, có địa phương thì có nhiều danh lam, thắng cảnh hoặc các Di sản văn hóa được thế giới công nhận - được nhiều du khách trong và ngoài nước lựa chọn là điểm đến cho mình, nhưng cũng có nhiều địa phương nguồn tài nguyên DL còn hạn chế, du khách có đến tham quan DL nhưng với số lượng rất hạn chế. Vì vậy, về tổ chức bộ máy QLNN đối với HDDL thì phải có cơ chế đặc thù để tạo điều kiện cho các địa phương có tiềm năng phát huy tối đa hiệu quả lĩnh vực DL.

Ba là, *thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật.*

QLNN đối với HDDL bao giờ cũng gắn liền với công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực DL. Mục đích của thanh tra, kiểm tra không chỉ là tìm kiếm sai phạm để xử lý mà còn nhằm tháo gỡ,

khắc phục những khó khăn để hoạt động DL được tốt hơn. Cần lưu ý rằng, thanh tra, kiểm tra là cần thiết nhưng không được làm ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động bình thường của ngành DL; đặc biệt, không được lợi dụng thanh tra, kiểm tra để gây khó dễ cho HDDL. Khi đã tiến hành thanh tra, kiểm tra, phải có kết luận bằng văn bản rõ ràng, kịp thời và đề xuất những phương án xử lý nghiêm minh. Có như vậy, công tác thanh tra, kiểm tra mới có ý nghĩa và hoạt động QLNN về DL mới có hiệu quả.

Bốn là, xử lý vi phạm trong HDDL.

Xử lý vi phạm là một trong những hoạt động quan trọng của công tác QLNN về DL. Qua hoạt động này, NN sẽ tiến hành xử lý vi phạm những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm nhằm kịp thời chấn chỉnh, định hướng tổ chức và cá nhân đó hoạt động tuân thủ pháp luật, theo đúng quy hoạch, kế hoạch phát triển DL của cơ quan có thẩm quyền đề ra; đồng thời, tạo được môi trường DL và kinh doanh DL lành mạnh; bảo tồn và phát huy được những giá trị văn hoá, giá trị lịch sử của dân tộc...

Trong thời gian qua, trên phạm vi cả nước, việc tiến hành xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực HDDL tuy có nhưng chưa thường xuyên. Qua các phương tiện thông tin đại chúng thì chưa thấy các cơ quan chức năng xử lý nghiêm các doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm quy định đối với HDDL với quy mô lớn. Điều này có thể do thực tế có vi phạm nhưng mức độ nhỏ hoặc do công tác quản lý của các cơ quan chức năng chưa chặt chẽ. Trong khi đó, thực tế HDDL diễn ra rất phong phú về hình thức, nội dung và hoạt động phức tạp. Hoạt động này rất quan trọng nhằm kịp thời chấn chỉnh, khắc phục, tạo được niềm tin đối với du khách và các doanh nghiệp làm ăn minh bạch nhằm hướng đến một môi trường chuyên nghiệp hơn trong HDDL.

Tóm lại, QLNN đối với HDDL là việc NN sử dụng quyền lực NN, lấy

pháp luật về DL làm công cụ chủ yếu để điều chỉnh các hành vi kinh doanh trong lĩnh vực DL; QL, bảo vệ, tôn tạo, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên DL để phát triển DL bền vững, nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng của nhân dân và khách DL quốc tế; góp phần nâng cao dân trí, tạo việc làm và phát triển KT-XH của đất nước.

QLNN đối với HDDL là nhiệm vụ vô cùng quan trọng của NN ta. Để hoàn thành nhiệm vụ này, NN cần phải có trong tay một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng thời hệ thống pháp luật ấy lại phải được đảm bảo thực hiện thông qua một hệ thống các cơ quan nhà nước có đầy đủ quyền uy và năng lực.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về du lịch

1.3.1. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch

Hoạt động quản lý nhà nước về du lịch phụ thuộc vào tổ chức bộ máy quản lý, lĩnh vực du lịch không thể được quản lý tốt nếu tổ chức bộ máy quản lý không hợp lý. Bộ máy quản lý gồm một cơ quan trung ương và các cơ quan địa phương. Với mô hình này, việc giám sát hoạt động du lịch được thực hiện theo phương thức từ xa, định kỳ theo quy định, tiến hành từ cấp địa phương đến trung ương. Công tác giám sát từ xa nếu được thực hiện đầy đủ, kịp thời sẽ tạo điều kiện cho cơ quan quản lý có được cái nhìn tổng thể về toàn bộ hoạt động du lịch. Tuy nhiên, việc quản lý nhà nước đối với lĩnh vực du lịch không chỉ là nhiệm vụ của một cơ quan duy nhất, nó đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ của các cơ quan quản lý khác như công an, cơ quan thuế, xây dựng...

1.3.2. Các văn bản pháp luật liên quan

Sự can thiệp của nhà nước thể hiện qua những chính sách quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế, qua hệ thống pháp luật... Các chính sách quản lý của nhà nước vừa trực tiếp, vừa gián tiếp tác động tới hoạt động quản lý nhà nước đối với lĩnh vực du lịch.

Sự tác động trực tiếp thể hiện qua những chính sách trực tiếp liên quan

tới hoạt động quản lý nhà nước đối với lĩnh vực du lịch. Đó là những chính sách quy định về nội dung quản lý, bộ máy quản lý. Các chính sách này được thực hiện bởi cơ quan quản lý nhà nước. Một hệ thống chính sách quản lý đúng đắn, đầy đủ sẽ đem lại hiệu quả quản lý cao và ngược lại, một hệ thống chính sách quản lý chưa đầy đủ, không đồng bộ, còn thiếu sót sẽ làm giảm hiệu quả của công tác quản lý.

Sự tác động gián tiếp của chính sách quản lý của nhà nước tới hoạt động du lịch thể hiện ở chỗ: các chính sách quản lý của nhà nước có tạo ra được một môi trường thuận lợi cho công tác quản lý du lịch hay không.

1.3.3. Trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức của cán bộ quản lý

Trình độ, năng lực của cán bộ quản lý trực tiếp tác động tới hoạt động du lịch. Bộ máy quản lý nhà nước về du lịch là cơ quan trực tiếp tiến hành hoạt động quản lý du lịch. Không những thế ở đây còn là cơ quan trực tiếp hay gián tiếp ban hành các chính sách, chế độ về quản lý du lịch. Bởi vậy, sự am hiểu của cán bộ quản lý về ngành nghề lĩnh vực mình quản lý sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng nắm bắt tình hình của họ với lĩnh vực đó, do đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới việc cán bộ quản lý đó có phân tích và đưa ra được những kết luận đúng đắn hay không, có dự thảo ra được những chính sách quản lý đúng đắn hay không. Thêm vào đó, phẩm chất đạo đức của cán bộ quản lý sẽ quyết định việc họ có thực hiện quản lý đúng theo lương tâm trách nhiệm hay không.

1.3.4. Môi trường kinh tế - chính trị - xã hội

- Sự ổn định về kinh tế - chính trị - xã hội là nhân tố quan trọng, có tác động lớn tới hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch.

+ Mức sống: Điều kiện sống là một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định tới sự phát triển của hoạt động du lịch. Điều kiện sống càng cao con người càng có xu hướng nghỉ ngơi nhiều hơn và điều này là

nhân tố tác động rất lớn đến sự phát triển của du lịch. Nếu như trước đây trong thời kỳ bao cấp cuộc sống còn rất khó khăn, thiếu thốn “ăn không đủ ăn, áo không đủ mặc” chẳng có ai nghĩ đến việc đi du lịch bởi điều đó vô cùng viển vông, thiếu thực tế và ngoài tầm với. Tuy nhiên khi mức sống được nâng cao hơn, khi những nhu cầu thiết yếu về ăn, mặc, ở được thỏa mãn; thu nhập thực tế được đảm bảo, điều kiện sống được cải thiện đáng kể con người bắt đầu nghĩ đến nhu cầu ở tầm cao hơn đó là nghỉ ngơi, thư giãn sau những ngày làm việc căng thẳng và khi đó du lịch mới có cơ hội phát triển.

+ Trình độ dân trí: Sự phát triển của du lịch cũng bị tác động mạnh bởi trình độ dân trí. Theo một số nghiên cứu mới đây cho thấy, ở các quốc gia phát triển, người dân có trình độ dân trí cao thì việc đi du lịch diễn ra thường xuyên hơn, nhu cầu tìm hiểu về những nền văn hóa mới cũng cao hơn hẳn.

Mặt khác ở các quốc gia có dân trí phát triển cao với tầm hiểu biết của mình họ hiểu rằng lợi ích thu được từ du lịch không hề nhỏ và phát triển du lịch không chỉ đem lại lợi nhuận khổng lồ mà còn là con đường nhanh nhất để quảng bá hình ảnh đất nước với thế giới. Cũng chính từ cách nhìn nhận tích cực này, với cách ứng xử thông minh họ xây dựng cho mình hình ảnh thân thiện, cởi mở trong con mắt bạn bè quốc tế cùng với cách thức phục vụ văn minh làm thỏa mãn cả những khách hàng khó tính nhất đã thu hút một lượng lớn du khách đến tham quan, mua sắm.

Ngược lại, với những quốc gia trình độ dân trí còn tương đối thấp lại trở thành một rào cản không nhỏ đối với sự phát triển của du lịch bởi lẽ họ chưa hiểu được tầm quan trọng của việc phát triển ngành công nghiệp không khói nhưng mang lại lợi nhuận cao này. Theo đó, cách thức phục vụ và thái độ cư xử đối với du khách chưa thực sự tạo được ấn tượng tốt đẹp: còn xảy ra hiện tượng chèo kéo, bắt chẹt du khách, tăng giá dịch vụ đột biến, lừa đảo hay

dịch vụ taxi ép khách đi với giá trên trời đã tạo ra những ấn tượng xấu làm nản lòng du khách và khó lòng mời họ quay lại.

Môi trường chính trị-xã hội ổn định, nền kinh tế tăng trưởng ổn định, bền vững sẽ tạo cho các nhà đầu tư, các nhà kinh doanh du lịch một tâm lý yên tâm đầu tư vào lĩnh vực này, từ đó công tác quản lý nhà nước về du lịch sẽ được thuận lợi.

1.3.5. Hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá

Trong bối cảnh toàn cầu hoá thế giới, hội nhập quốc tế là một nhu cầu cần thiết của mỗi quốc gia để tạo điều kiện cho nền kinh tế được giao lưu, phát triển đất nước. Do phải tuân thủ những quy định chung và những cam kết quốc tế nên sự chủ động của nhà nước ta trong việc xây dựng pháp luật về kinh tế nói chung và về lĩnh vực du lịch nói riêng phần nào đó bị thu hẹp. Trong hoàn cảnh đó, bộ máy nhà nước cần nắm vững những quy định và cam kết quốc tế, vận dụng sáng tạo trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật để vừa bảo đảm lợi ích quốc gia, vừa tuân thủ những quy định và cam kết quốc tế.

Khi nước ta hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới thì phải chịu tác động nhanh, mạnh của những chuyển biến trên thị trường thế giới, do đó, nhà nước cần phải tăng cường công tác theo dõi, dự báo, phân tích về lĩnh vực du lịch để giúp cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực du lịch được chủ động, đề phòng và có biện pháp phát triển kinh doanh của mình

Các nhân tố trên đều tác động đến quản lý nhà nước về du lịch. Do vậy, việc nghiên cứu tác động của từng nhân tố cũng như tác động tổng hợp của các nhân tố tới hoạt động quản lý nhà nước về du lịch là vấn đề hết sức cần thiết.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. Tình hình phát triển - kinh tế xã hội, tiềm năng và thế mạnh du lịch của tỉnh Quảng Ngãi

2.1.1. Tình hình phát triển - kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi là một tỉnh thuộc vùng duyên hải Miền Trung trải dài từ 14°32' đến 15°25' Bắc, từ 108°06' đến 109°04' Đông, tựa vào dãy núi Trường Sơn hướng ra Biển Đông với chiều dài bờ biển 144 km, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam với chiều dài đường địa giới 98 km, phía Nam giáp tỉnh Bình Định với chiều dài đường địa giới 83 km, phía Tây giáp tỉnh Kon Tum với chiều dài đường địa giới 79 km, phía Đông giáp Biển Đông. Nằm ở vị trí trung độ của cả nước, Quảng Ngãi cách thủ đô Hà Nội 890 km về phía Bắc và cách Thành phố Hồ Chí Minh 824 km về phía Nam theo đường Quốc lộ 1A.

Được tái lập từ ngày 01 tháng 7 năm 1989 trên cơ sở tách tỉnh Nghĩa Bình thành 2 tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định. Quảng Ngãi hiện có 14 đơn vị hành chính trực thuộc gồm: Thành Phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ và 12 huyện: Mộ Đức, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Bình Sơn, Minh Long, Nghĩa Hành, Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng, Lý Sơn. Thành phố Quảng Ngãi là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa của cả tỉnh. Tổng diện tích tự nhiên là 5.135,2 km² với dân số khoảng hơn 1.530.600 người.

Tỉnh Quảng Ngãi nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung được Chính phủ chọn khu vực Dung Quất để xây dựng nhà máy lọc dầu đầu tiên của cả nước, góp phần đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Năm 2010 là năm đầu tiên tỉnh Quảng Ngãi thu ngân sách nhà nước đạt 14.500 tỷ đồng, GDP bình quân đầu người tăng từ 773 USD lên 1.228 USD. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) năm 2011 ước đạt 9.307,23 tỷ đồng, GDP bình quân đầu người tăng từ 1.298 USD năm 2010 tăng lên 1.434 USD năm 2011, thấp hơn kế hoạch đề ra là 1.495 USD. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng ước đạt 4.904,52 tỷ đồng, dịch vụ ước đạt 2.674,72 tỷ đồng, nông lâm nghiệp, thủy sản ước đạt 1.727,99 tỷ đồng. Về ngành đánh cá, tỉnh có gần 5.500 tàu cá với 7 nghiệp đoàn nghề cá gồm 2.350 đoàn viên (2014). Trong đó 405 tàu đánh bắt tại Hoàng Sa, Trường Sa. Trong đó, sản xuất nông lâm thủy sản đạt 806,4 tỷ đồng, công nghiệp - xây dựng đạt 2.721,0 tỷ đồng, khu vực dịch vụ đạt 1.352,6 tỷ đồng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ước đạt 12.780,25 tỷ đồng.

Đến năm 2015, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước đạt 12.808,5 tỷ đồng. Trong đó khu vực công nghiệp xây dựng đạt 6.397,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 61,4%, khu vực dịch vụ đạt 4.272,6 tỷ đồng, chiếm 23,2%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2.137,9 tỷ đồng, chiếm 15,4%. GRDP bình quân đầu người tăng lên 52,6 triệu đồng/năm, tương đương 2,447 USD/người.

- Điều kiện khí hậu: Quảng Ngãi có địa hình tương đối phức tạp, có xu hướng thấp dần từ tây sang đông với các dạng địa hình đồi núi, đồng bằng ven biển, phía tây của tỉnh là sườn Đông của dãy Trường Sơn, tiếp đến là địa hình núi thấp và đồi xen kẽ đồng bằng, có nơi núi chạy sát biển. Khí hậu ở Quảng Ngãi là khí hậu nhiệt đới và gió mùa, nên nhiệt độ cao và ít biến động. Khí hậu nơi đây phân hóa thành 2 mùa rõ rệt, gồm có mùa mưa và mùa nắng. Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12, lạnh nhất từ tháng 1 đến tháng 3, mùa nắng từ tháng 4 đến tháng 8. Nhiệt độ trung bình là 26 độ C, cao nhất lên đến 40 độ C và thấp nhất là 15 độ C. Như vậy, mùa phát triển du lịch ở Quảng Ngãi thuận lợi nhất là từ tháng 1 đến tháng 8 hàng năm. Vì đây là thời điểm

có khí hậu dễ chịu nhất, từ tháng 1 đến tháng 3 phát triển du lịch khám phá như leo núi, trèo đèo ngắm cảnh,... từ tháng 4 đến tháng 8 là thời điểm thích hợp nhất để khai thác du lịch biển.

- Giao thông: Quảng Ngãi là đầu mối giao thông quan trọng xuyên suốt trên địa bàn tỉnh, có Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam chạy qua tỉnh. Trong đó chiều dài Quốc lộ 1A qua tỉnh dài 98 km. Quốc lộ 24 nối liền Quốc lộ 1A đoạn qua Thạch Trụ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi với Kon Tum dài 69 km và Quốc lộ 24B dài 18 km, đây là tuyến giao thông quan trọng đối với Kon Tum và Quảng Ngãi trong quan hệ kinh tế, văn hoá giữa duyên hải và Tây Nguyên, giao lưu trao đổi hàng hoá, phát triển kinh tế miền núi gắn với an ninh quốc phòng. Phía Bắc tỉnh, tại huyện Bình Sơn có sân bay Chu Lai đã đưa vào hoạt động, tại đây có cảng nước sâu Dung Quất. Ngoài ra, với bờ biển dài 144 km, Quảng Ngãi có nhiều cửa biển, cảng biển nhỏ như Sa Kỳ, Sa Cần, Bình Châu, Mỹ Á,... có tiềm năng về giao thông đường thủy, thương mại và du lịch.

- Giáo dục: Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được chuẩn hóa, đáp ứng cơ bản yêu cầu sự nghiệp giáo dục và đào tạo; chất lượng giáo dục các ngành học, cấp học có chiều hướng chuyển biến tích cực.

Công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia được tập trung triển khai, đến nay có 317 trường các cấp đạt chuẩn Quốc gia. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trên địa bàn tỉnh được chú trọng, đến cuối năm 2015 có 179/184 xã đạt chuẩn, chiếm tỉ lệ 97,28%; huy động trẻ em 5 tuổi ra lớp đạt 99,5%.

- Lao động, việc làm, an sinh xã hội: Trong năm 2015, đã giải quyết việc làm cho khoảng 39.000 người, trong đó, lao động nữ là 19.700 người. Cơ cấu lao động chuyển dịch dần theo hướng tăng tỷ lệ lao động công nghiệp, giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp.

Trong năm, đã đào tạo nghề sơ cấp nghề và dạy nghề ngắn hạn cho 18.000 người, đã giải quyết 5.984 trường hợp hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" cho 617 trường hợp. Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh đã huy động trên 5,0 tỷ đồng, bằng tiền mặt và thông qua các đợt hỗ trợ khám chữa bệnh, tặng quà, tặng xe lăn cho trẻ khuyết tật, trao học bổng cho học sinh nghèo hiếu học.

2.1.2. Tiềm năng và thế mạnh du lịch Quảng Ngãi

2.1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Quảng Ngãi là mảnh đất có nguồn tài nguyên thiên nhiên rất phong phú, đa dạng với những thắng cảnh độc đáo, điển hình:

Thắng cảnh biển Mỹ Khê: cách tỉnh trung tâm thành phố 12 km. Bãi biển nổi tiếng đẹp và sạch có hình cong lưỡi liềm dài 7km với dải cát vàng rộng hàng vài trăm mét thoải thoải ra biển. Quanh bờ biển là rừng phi lao xanh ngút ngàn. Thiên nhiên đã ban tặng nơi đây một bãi tắm thoải thoải, an toàn, sạch đẹp, nước trong xanh bốn mùa. Vào mùa hè mỗi ngày có hàng ngàn du khách đến đây nghỉ ngơi, tắm biển và thưởng thức những món ăn đặc sản từ biển. Nằm song song với bãi biển, về phía tây, là dòng sông Kinh lặng lẽ thơ mộng. Du khách có thể du thuyền chừng 15 phút để ngược về cửa Đại và Cổ Lũy cô thôn cách đó không xa. Khu vực biển Mỹ Khê đang được xây dựng thành khu sinh thái biển.

Thắng cảnh Sa Huỳnh: là một vùng bờ biển nằm ở cực nam Quảng Ngãi, thuộc xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ. Sa Huỳnh gần với đường quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt chạy qua nên rất thuận lợi cho các hãng lữ hành. Sa Huỳnh có một nhánh Trường Sơn chạy áp sát bờ biển, có nơi đâm thẳng ra biển tạo nên những ghềnh đá với nhiều hình thù kỳ vĩ. Nhờ núi non nhiều cung bậc, nhờ những động cát vàng và đầm nước bao la xanh rờn mà Sa Huỳnh có địa hình đa dạng, phong phú. Sa Huỳnh còn nổi tiếng về nghề làm

muối ngay từ đầu thế kỷ 19. Ngoài những di chỉ văn hóa Sa Huỳnh (cách đây 3000-4000 năm), làm hấp dẫn các nhà nghiên cứu, khảo cổ trong và ngoài nước, nơi đây còn có nhiều di tích cổ xưa như: Lăng Ông Nam Hải, miếu Thiên Yana, miếu Bà Thủy... Vào mừng 3 tết hằng năm còn có lễ hội cầu ngư, có hát bả trạo, hát sắc bùa, đua thuyền và các hoạt động văn hóa thể thao khác. Bãi biển Sa Huỳnh sạch đẹp, thoáng mát, có nhiều loại món ăn đặc sản từ biển... và có thể du thuyền qua đảo Khi, vào hang Hóc Mố, leo núi Bàu Núi – Châu Me, Thạch Bi để khám phá vẻ đẹp thiên nhiên thơ mộng và còn nguyên sơ này.

Thăng cảnh đèo Viôlắc: nằm trên đường quốc lộ 24, cách huyện lỵ Ba Tơ 23 km về phía tây, tiếp giáp với huyện Kom Plong tỉnh Kon Tum. Từ cầu sông Re dưới chân đèo lên đến điểm tiếp giáp biên giới giữa hai tỉnh là 19 km, và ở độ cao 1.400m. Đây là đoạn đường đèo trải nhựa rộng rãi nhưng quanh co và rất ngoạn mục. Một bên là rừng nguyên sinh, cây lá rậm rạp, một bên là vực núi sâu thăm thẳm. Vào mùa hè, càng lên cao khí trời càng mát mẻ và hơi se lạnh, đứng trên có thể nhìn thấy dãy núi Cao Muôn về phía đông màu xanh nhạt.

Suối Cà Đú: cách huyện lỵ Trà Bồng chừng 2 km về phía tây bắc. Hai bên suối là núi non hùng vĩ, cây cối hoang sơ um tùm. Vì độ dốc cao nên trên dòng suối có nhiều thác, có thác cao hơn 20m. Dưới chân dòng thác là những vũng nước rộng, trong xanh xen kẽ các phiến đá bằng phẳng. Vào mùa hè, nơi đây thu hút hàng trăm du khách đến thưởng ngoạn và tắm suối. Bờ phía tây của suối còn có hệ thống thủy điện. Thủy điện Cà Đú cung cấp điện cho huyện lỵ Trà Bồng và các vùng lân cận. Cách hơn 1 km về phía tây nam, ngoài Bảo tàng Trà Bồng còn có thác Xeng Bay cao hơn 15m, ẩn hiện giữa vùng đồi núi chập chùng và những nương rẫy của người Cor.

Núi Phú Thọ và Cổ Lũy cô thôn: Núi Phú Thọ còn có tên là Thạch Sơn hay núi Đá đen và Cổ Lũy cô thôn là thắng cảnh nổi tiếng từ xưa của tỉnh Quảng Ngãi do thiên nhiên và con người tác tạo. Núi Phú Thọ cao 60m, rộng chừng 8ha, trên núi là quần thể phế tích đền tháp và thành quách Champa. Núi có nhiều hòn đá granit màu xám đủ hình thù kỳ lạ như hòn Chuông, hòn Trống, chùa Hang, hang Xeo Queo... xen lẫn thảm thực vật và cây cối xanh tốt. Trên núi còn có dấu tích Chùa Hang (Thạch Sơn tự) với huyền tích con cọp thần, có thành Bàn Cờ, thành Hòn Yàng là những thành lũy xưa của người Chăm còn lưu lại. Đứng trên đỉnh núi có thể phóng tầm mắt bao quát trông về dòng Trà Giang lượn khúc, cửa Đại nên thơ, rừng dừa xanh bạt ngàn, đảo Lý Sơn thấp thoáng.

Dưới chân núi Phú Thọ, thôn Cổ Lũy nằm cô tịch với bên trời, bên nước được điểm xuyết những rặng dừa thơ mộng và những con thuyền nhấp nhô theo sóng cửa Đại tạo cho phong cảnh nên thơ và sống động. Thắng cảnh này không những có giá trị lớn cho tham quan, du lịch, nghỉ mát, mà còn có giá trị khoa học lịch sử trong việc nghiên cứu kiến trúc thành lũy người Chăm. Di tích thắng cảnh núi Phú Thọ và Cổ lũy Cô thôn nằm ở trung tâm xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa, cách TP.Quảng Ngãi 10 km về phía Đông.

Đảo Lý Sơn: là đảo duy nhất của Quảng Ngãi với diện tích hơn 10km², nằm cách đất liền 14 hải lý về hướng Đông, nó là bức bình phong, nơi tiền tiêu của tỉnh. Nơi đây nổi tiếng với nhiều danh thắng đẹp như chùa Hang, hang Câu, những bờ biển uốn lượn soi bóng rặng dừa, những đồng tỏi mênh mông bát ngát... Đảo chính là quê hương của Hải đội Hoàng Sa. Du khách biết đến Lý Sơn như một “vương quốc tỏi” đã có thương hiệu và được mệnh danh là loại tỏi ngon nhất Việt Nam.

Có thể nói, Quảng Ngãi có nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú và đa dạng mà chưa thể kể hết ra được, trên đây chỉ là một số tiềm năng du

lịch tự nhiên tiêu biểu để Quảng Ngãi phát triển du lịch. Nhất là với xu hướng du lịch hiện nay, để nghỉ ngơi thư giãn sau những giờ làm việc căng thẳng, du khách thích đến với thiên nhiên, với biển đến những nơi phong cảnh thanh bình, yên tĩnh. Với tiềm năng du lịch tự nhiên kể trên, du lịch Quảng Ngãi có thể đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch, ngành du lịch Quảng Ngãi sẽ phát triển đi lên, sánh cùng với các địa phương trong khu vực và trên cả nước, du lịch Quảng Ngãi sẽ là ngành công nghiệp “không khói”, một ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong một tương lai không xa.

2.1.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

Các di tích cách mạng: Trong các cuộc kháng chiến vệ quốc của dân tộc, Quảng Ngãi là một trong những cái nôi của phong trào cách mạng và là vùng chiến trường vô cùng ác liệt. Những địa danh như khởi nghĩa Ba Tơ, khởi nghĩa Trà Bồng, chiến thắng Ba Gia - Vạn Tường, thảm sát Bình Hòa, thảm sát Sơn Mỹ,... đã đi vào lịch sử dân tộc, ngày nay trở thành điểm dừng chân của bao du khách.

Các làng nghề: Trên một không gian rộng lớn và có sự phân hóa của điều kiện tự nhiên, kinh tế, sản xuất và sinh hoạt, Quảng Ngãi đã hình thành nhiều làng quê đặc sắc, độc đáo, mang những cấu trúc không gian đặc trưng và có giá trị cao cho hoạt động du lịch làng quê.

Quảng Ngãi hiện có khoảng 20 làng nghề đa dạng về quy mô và loại nghề truyền thống như: nghề đúc đồng, nghề gốm, nghề dệt thổ cẩm, nghề dệt chiếu, nấu mạch nha, nghề làm kẹo gương, đường phôi, đường phèn.... Những làng nghề này sau khi được khôi phục hoạt động khá tốt và trở thành những điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước.

Các lễ hội: Giá trị văn hoá đặc trưng của vùng văn hoá Quảng Ngãi được lắng đọng trong lễ hội, trong phong tục tập quán, tâm lý truyền thống được kết tinh từ quá trình lao động sáng tạo, lối suy nghĩ, lối ứng xử của cộng

đồng các dân tộc anh em cùng chung sống trên mảnh đất này. Lễ hội ở Quảng Ngãi mang đậm bản sắc văn hoá dân gian truyền thống và rất đa dạng, phong phú, đặc sắc.

Một số lễ hội tiêu biểu như: Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa, lễ hội Điện Trường Bà, lễ hội Cầu ngư, lễ hội đua thuyền Tứ Linh, lễ hội cầu mưa.... Các hoạt động của lễ hội tập trung chủ yếu tại các điểm du lịch lớn như Lý Sơn, Trà Bồng, Sa Huỳnh và các làng nghề truyền thống. Đến với lễ hội, du khách sẽ được đắm mình trong bầu không khí nhộn nhịp, say mê thưởng thức những loại hình nghệ thuật truyền thống mang đậm bản sắc văn hoá Quảng Ngãi và các vùng miền trong cả nước, tham gia vào các cuộc tranh tài trong những trò chơi dân gian và các hoạt động thể thao, giải trí... Lễ hội cũng là nơi gặp gỡ, giao lưu của các nghệ sĩ, diễn viên, vận động viên... và đông đảo du khách.

Đặc sản ẩm thực: Quảng Ngãi có nhiều món ăn nổi tiếng từ đặc sản đến dân dã nhưng đều mang dấu ấn đậm đà của văn hóa ẩm thực Quảng Ngãi như: cá bông Sông Trà, chim mía, kẹo gương, mạch nha, đường phèn, đường phôi và món don... đậm đà hương vị một vùng quê ven biển.

2.2. Tình hình phát triển du lịch Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015

Trong những năm gần đây, du lịch của tỉnh đã có những bước khởi sắc và phát triển nhất định. Công tác quy hoạch ngành, quy hoạch các khu, điểm du lịch đã được quan tâm triển khai; các hoạt động xúc tiến đầu tư cho ngành du lịch được chú trọng đã thu hút được các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu như tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Mường Thanh, Tổng Công ty TNHH MTV Saigontourist đầu tư các khách sạn, khu resort, khu nghỉ dưỡng cao cấp tại tỉnh. Cơ sở hạ tầng tại các khu, điểm du lịch và hệ thống giao thông được đầu tư, đổi mới về phương tiện, chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao, đáp ứng nhu cầu đi lại và tham quan của khách du lịch. Một số di tích lịch sử- văn hóa, điểm tham quan du lịch được đầu tư, tôn tạo; công tác đào tạo nguồn nhân lực

du lịch được chú trọng sát với tình hình thực tiễn của ngành và từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch của tỉnh. Hệ thống cơ sở vật chất từng bước được đầu tư nâng cấp. Lượng khách đến du lịch tăng liên tục qua các năm. Năm 2011 có 365.000 nghìn lượt, năm 2012 tăng lên đạt 1,2 lần tương đương 426.511 nghìn lượt, năm 2015 đạt 650.000 nghìn lượt, tăng gấp 1,8 lần so với năm 2011 và tăng gấp gần 1,2 lần so với năm 2014. Lượt khách tăng nhanh do trong những năm qua ngành du lịch không ngừng tổ chức nhiều chương trình lễ hội mang đậm nét văn hoá truyền thống và nhiều hoạt động văn hoá khác như: văn hoá - thể thao giải trên biển. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, đảo Lý Sơn thuộc địa bàn tỉnh nổi lên là một điểm đến hấp dẫn thu hút du khách với phong cảnh thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ; là nơi hội tụ nhiều giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc và là một bảo tàng sống động có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nơi lưu giữ những bằng chứng lịch sử khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa.

Cùng với tăng trưởng về khách du lịch, doanh thu du lịch cũng có mức tăng trưởng khá cao. Cùng với sự chuyển biến lớn về lượng khách, thu nhập từ du lịch của Quảng Ngãi cũng không ngừng tăng lên, từ con số 255 tỷ đồng năm 2011, năm 2012 đạt 322 tỷ đồng, năm 2015 đạt 560 tỷ đồng gấp 2,2 lần so với năm 2011 và gấp hơn 1,1 lần so với năm 2014. Với mức tăng trưởng đều đặn qua các năm, du lịch Quảng Ngãi đang dần tạo được dấu ấn trong lòng du khách cũng như khẳng định được sự hấp dẫn của vùng đất này.

Tính đến năm 2015, toàn tỉnh có 271 cơ sở lưu trú, tăng gần 4 lần so với năm 2011 và tăng 3,3 lần so với năm 2014. Do lượng khách đến ngày càng nhiều nhu cầu thuê cơ sở lưu trú ngày càng tăng nên các cơ sở lưu trú tăng nhanh trong năm 2015. Về cơ bản hệ thống cơ sở lưu trú đã đáp ứng được phần nào những nhu cầu thiết yếu của du khách, tuy nhiên trung tâm du lịch trọng yếu của tỉnh là đảo Lý Sơn, cơ sở vật chất để đón du khách nghỉ ngơi còn ít,

nhất là vào những ngày nghỉ lễ dài, kỳ nghỉ hè và cuối tuần thì việc “cháy phòng” thường xuyên xảy ra. Đến cuối năm 2015, toàn tỉnh có 19 khách sạn xếp hạng sao, trong đó: 3 khách sạn 4 sao, 4 khách sạn 3 sao, 2 khách sạn sao và 11 khách sạn 1 sao còn lại là nhà nghỉ và homestay với tổng số buồng phục vụ 3.800 buồng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, du lịch Quảng Ngãi hiện vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, khó khăn, như: Du lịch phát triển chậm, chưa tương xứng với tài nguyên du lịch vốn có của địa phương, chưa tạo được sức cạnh tranh với các tỉnh trong khu vực và chưa xây dựng được thương hiệu thực sự mạnh, tính chuyên nghiệp chưa cao.... Quảng Ngãi hiện vẫn thiếu vắng các cơ sở dịch vụ du lịch cao cấp có quy mô lớn; chưa xây dựng được các điểm đến hấp dẫn du khách với các sản phẩm du lịch đặc trưng có chất lượng cao; công tác quảng bá, xúc tiến du lịch chưa thực sự phát huy hiệu quả; nguồn nhân lực còn thiếu và yếu; doanh nghiệp kinh doanh du lịch của tỉnh còn hạn chế...

Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu của du lịch Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Lượng khách du lịch (lượt khách)	365.000	426.511	468.841	540.157	650.000
- Khách quốc tế	27.400	30.268	36.389	42.627	55.000
- Khách nội địa	337.600	396.243	432.452	497.530	595.000
Doanh thu du lịch (tỷ đồng)	225	322	458	508	560
Cơ sở lưu trú	68	72	73	81	271

(Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi)

2.3. Thực trạng quản lý nhà nước về du lịch ở tỉnh Quảng Ngãi

2.3.1. Thực trạng pháp luật quản lý nhà nước về du lịch

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp với sự đa dạng về chủ thể, về

hình thức tổ chức, quy mô hoạt động. Theo đó để có thể quản lý tốt, giúp du lịch phát triển ổn định, tích cực theo đúng định hướng, đòi hỏi nhà nước phải ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật tạo khuôn khổ pháp lý cần thiết cho hoạt động du lịch, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Hiện nay, liên quan đến hoạt động du lịch và quản lý nhà nước về DL, đã có một hệ thống các quy định pháp luật điều chỉnh ở các mức độ khác nhau:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 quy định "NN và xã hội phát triển DL, mở rộng HDDL trong nước và DL quốc tế";

- Luật Du lịch năm 2005;

- Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới;

- Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 04/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch;

- Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật DL;

- Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định phê duyệt chiến lược phát triển DL Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

- Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ Văn hoá, Thể thao và DL hướng dẫn thực hiện Nghị định số: 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật DL về lưu trú DL;

- Thông tư số 89/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ Văn hoá, Thể thao và DL hướng dẫn thực hiện Nghị định số: 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về kinh doanh, lữ hành, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp DL nước ngoài tại Việt Nam, hướng dẫn DL và xúc tiến DL;

- Thông tư số 47/2010/TT-BTC ngày 12/4/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, QL và sử dụng phí thẩm định xếp hạng cơ sở lưu trú DL và phí thẩm định cơ sở kinh doanh DV đạt tiêu chuẩn phục vụ khách DL;

- Thông tư số 48/2010/TT-BTC ngày 12/4/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, QL và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế, cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp DL nước ngoài tại Việt Nam, cấp thẻ hướng dẫn viên DL, cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên;

- Chỉ thị số 18/CT-BVHTTDL ngày 06/02/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và DL Chi thị về việc tổ chức triển khai thực hiện " Chiến lược phát triển DL Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

- Quyết định số 297/QĐ-BVHTTDL ngày 06/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và DL Quyết định về việc phê duyệt chương trình phối hợp chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện " Chiến lược phát triển DL Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tập trung khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch;

- Thông tư số 26/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về quy định Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch do ngành Du lịch quản lý, cấp phép;

- Thông tư số 27/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với cơ quan quản lý du lịch thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

Trên cơ sở đường lối, chủ trương, chiến lược của Đảng và NN ta về phát triển DL và hệ thống các văn bản pháp luật do NN ban hành để điều chỉnh hoạt động QLNN về DL. Song hành với chỉ đạo của trung ương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi tham mưu UBND tỉnh ban hành các nghị quyết, chủ trương của tỉnh nhằm phát triển du lịch trên địa bàn theo đúng định hướng của Trung ương quy định và tháo gỡ những vướng mắc có liên quan đến hoạt động du lịch.

Nội dung các văn bản do tỉnh Quảng Ngãi ban hành tiếp tục khẳng định DL là ngành kinh tế mũi nhọn, tích cực tạo tiền đề cho khối DV chiếm tỷ trọng cao trong các ngành kinh tế, nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh sau năm 2015 theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Về lâu dài, ưu tiên phát triển DL thành kinh tế mũi nhọn, có vai trò thúc đẩy các ngành khác phát triển, chiếm vị trí hàng đầu của lĩnh vực DV. Với mục tiêu phấn đấu đưa Quảng Ngãi trở thành một trong những điểm đến đạt mức trung bình khá của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và của cả nước. Quy mô có thể đón 950.000 lượt khách vào năm 2020 và tiếp tục phát triển hơn trong tương lai sau đó.

Các chính sách, pháp luật trên là cơ sở pháp lý để phát triển ngành du lịch của tỉnh. Để các chính sách đó phát huy tính hiệu quả, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp các ngành và địa phương trong tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể cán bộ,

đảng viên và quần chúng nhân dân trong tỉnh, nhất là các địa phương có tiềm năng phát triển du lịch biển đảo Lý Sơn với nhiều hình thức để có định hướng, chiến lược phát triển du lịch phù hợp. Thông qua công tác tuyên truyền đã nâng cao nhận thức đối với ngành kinh tế du lịch ở các cấp, các ngành và nhân dân, nhằm tạo sự đồng thuận về quan điểm, mục tiêu phát triển du lịch, khai thác lợi thế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tập trung chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hoạt động du lịch gắn với phát huy vai trò của nhân dân. Thông qua việc huy động sự tham gia phát triển du lịch của người dân, vận động nhân dân bảo vệ tài nguyên du lịch. Chính quyền phối hợp với các hội đoàn thể xây dựng con người và môi trường xã hội thân thiện đối với du khách và các nhà đầu tư.

2.3.2. Tạo lập môi trường pháp luật thuận lợi cho sự phát triển của ngành du lịch địa phương

Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về cải thiện môi trường đầu tư, thu hút các nguồn lực từ bên ngoài đầu tư vào các dự án du lịch trong địa bàn tỉnh tạo cơ hội cho ngành du lịch phát triển, cụ thể:

Chính sách về đầu tư: Với tiềm năng và lợi thế về tự nhiên, văn hóa và lịch sử, tỉnh Quảng Ngãi có nhiều thuận lợi để phát triển du lịch.

Từ năm 2011- 2015, đã có 749,9 tỷ đồng được đầu tư vào hạ tầng du lịch trên địa bàn, trong đó chủ yếu đầu tư vào đường giao thông và một số điểm du lịch gồm: dự án khu du lịch biển Mỹ Khê, khu du lịch Sa Huỳnh, khu du lịch Đặng Thùy Trâm, khu du lịch văn hóa Thiên Ân, phát triển nguồn nhân lực du lịch, xúc tiến quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch Quảng Ngãi, hỗ trợ phát triển tài nguyên, cải tạo môi trường du lịch.

Do nguồn ngân sách địa phương còn hạn hẹp nên Quảng Ngãi cũng rất chú trọng đến hoạt động khuyến khích đầu tư và đưa các chính sách ưu đãi trong đầu tư phát triển du lịch. Ngày 20/12/2012, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban

hành Quyết định số 2149/QĐ-UBND về danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012-2020, trong đó có danh mục thuộc lĩnh vực du lịch như: Khu du lịch phim trường VINA UNIVERSUL, khu du lịch Sa Huỳnh, khu du lịch Đặng Thùy Trâm (thuộc huyện Đức Phổ), khu du lịch sinh thái tắm bùn, suối nước nóng (huyện Tư Nghĩa). Theo đó tất cả các nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư vào các khu du lịch đều được hưởng nhiều ưu đãi như: miễn tiền thuê đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, hỗ trợ xúc tiến kêu gọi đầu tư và hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động địa phương.

Cải cách thủ tục hành chính:

Thực hiện chế độ "Một cửa liên thông" trong việc giải quyết thủ tục đầu tư. Quy trình giải quyết thủ tục đầu tư - kinh doanh được công bố và niêm yết công khai tại cơ quan đầu mối; các cơ quan chức năng liên quan của tỉnh (các sở, ngành liên quan). Nhà đầu tư không phải nộp bất kỳ khoản chi phí dịch vụ nào trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư - kinh trừ các khoản phí và lệ phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Thủ tục xuất nhập cảnh:

Nhà đầu tư được tạo điều kiện nhanh và thuận lợi trong việc nhập cảnh vào Việt Nam và lưu trú tại Quảng Ngãi, được cấp đổi thị thực mới và thẻ tạm trú có thời hạn từ 1 đến 3 năm phù hợp với mục đích nhập cảnh.

Các chính sách áp dụng riêng đối với đầu tư vào khu kinh tế Dung Quất:

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Đối với các dự án quy mô lớn, quan trọng được Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 30 năm; miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án; miễn thuế nhập khẩu

trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để phục vụ sản xuất của dự án; giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với cá nhân có thu nhập phát sinh tại Khu kinh tế Dung Quất.

Tiền thuê đất: Miễn hoàn toàn đối với các dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi; miễn 11 – 15 năm đối với các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi.

Ngoài ra tỉnh Quảng Ngãi ban hành các chính sách hỗ trợ chi phí bồi thường, đào tạo lao động... để khuyến khích đầu tư vào tỉnh, trong đó có Khu kinh tế Dung Quất.

2.3.3. Tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch

2.3.3.1. Điều hành xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển du lịch

Du lịch là một trong những ngành kinh tế chủ lực của tỉnh, mang lại thu nhập cho xã hội cao, trong thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi chú trọng đến công tác điều hành xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển du lịch. UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng các kế hoạch cụ thể phát triển du lịch Quảng Ngãi đến năm 2020, cụ thể:

Bảng 2.2. Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020

TT	Nội dung công việc	Cơ quan đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian hoàn thành (dự kiến)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
I	VỀ QUY HOẠCH				
1	Tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng		Các cơ quan, đơn vị liên	Năm 2014	

TT	Nội dung công việc	Cơ quan đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian hoàn thành (dự kiến)	Ghi chú
	đến năm 2025, quy hoạch chi tiết khu du lịch Đặng Thùy Trâm, khu du lịch sinh thái Cà Đam - Hồ Nước Trong	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	quan	- 2020	
2	Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch Khu du lịch Mỹ Khê, Sa Huỳnh		Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, đơn vị tư vấn và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2014	
3	Quy hoạch phát triển điểm du lịch Lý Sơn		Năm 2014 - 2015		
4	Quy hoạch điều chỉnh Khu du lịch văn hóa Thiên Ân.		Năm 2014 - 2015		
5	Quy hoạch Khu du lịch sinh thái Vạn Tường		Năm 2015 - 2016	Xin chủ trương	
6	Quy hoạch Khu du lịch sinh thái Thạch Bích	UBND huyện Trà Bồng	Các sở: VHTT&DL, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Xây dựng, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, đơn vị tư vấn và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2015 - 2017	
II	VỀ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU DU LỊCH				
1	Khu du lịch Mỹ Khê, Sa Huỳnh	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2014 - 2015	
2	Tiếp tục đầu tư phát triển khu du lịch Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Đặng Thùy Trâm, Thiên Ân, điểm du lịch biển, đảo Lý Sơn, khu du lịch thác trắng Minh Long, khu du lịch văn hoá Thiên Ân, khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Cà Đam, khu du lịch Thiên Đàng		Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2015 - 2020	

TT	Nội dung công việc	Cơ quan đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian hoàn thành (dự kiến)	Ghi chú
3	Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông đường bộ, bến cảng gắn với các khu, điểm du lịch	Sở Giao thông Vận tải	Sở Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị liên quan.	Năm 2014 - 2020	
III	VỀ PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH				
1	Tổ chức điều tra, nghiên cứu thị trường khách du lịch để xây dựng sản phẩm du lịch phù hợp		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2014-2015	
2	- Hoàn thành và đưa vào sử dụng Khu bảo tồn văn hoá Sa Huỳnh, Khu lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng (giai đoạn 2) - Xây dựng Khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Nghiêm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2014-2017 Năm 2016-2020	
3	- Trùng tu, tôn tạo và nâng cấp mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng, Nhà lưu niệm đồng chí Trần Kiên			Năm 2014 - 2017	
4	Xây dựng bảo tàng lịch sử Hoàng Sa, Trường Sa và nhà thờ các tộc họ tại đảo Lý Sơn			Năm 2014 - 2018	
5	Dự án Bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích Trường Lũy Quảng Ngãi	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Năm 2015 - 2020	
6	Xây dựng bảo tồn làng văn hoá dân tộc Hrê, Kor, Ca Dong	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Năm 2014 - 2020	
7	Tiếp tục đầu tư, tôn tạo phát huy giá trị của các di sản văn hóa, di tích lịch sử- văn hóa của tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Năm 2016 - 2020	

TT	Nội dung công việc	Cơ quan đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian hoàn thành (dự kiến)	Ghi chú
8	Phát triển mô hình du lịch cộng đồng		UBND các huyện Lý Sơn, Ba Tư, Trà Bồng và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2014 - 2020	
9	Tổ chức các lễ hội như: Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa, Lễ hội Điện Trường Bà...	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch UBND huyện Lý Sơn, Trà Bồng	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan.	Năm 2014 - 2020	
IV	VỀ PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN DU LỊCH				
1	Công bố các tuyến du lịch nội địa, liên tỉnh và quốc tế	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở GTVT và các cơ quan, đơn vị liên quan.	Năm 2014 - 2020	
V	VỀ LIÊN KẾT, HỢP TÁC PHÁT TRIỂN DU LỊCH				
1	Triển khai Chương trình liên kết, hợp tác phát triển du lịch với 2 tỉnh KonTum, Bình Định và Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hiệp hội Du lịch tỉnh, doanh nghiệp kinh doanh du lịch và các cơ quan, đơn vị liên quan.	Năm 2014 - 2020	
2	Ký liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa Quảng Ngãi với các tỉnh trong cả nước, với các nước Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan và các nước trong khu vực,		Sở Ngoại vụ, Hiệp hội Du lịch tỉnh, doanh nghiệp kinh doanh du lịch và các cơ quan, đơn vị liên quan		
VI	VỀ XÚC TIẾN, QUẢNG BÁ DU LỊCH				
	- Tổ chức và tham gia các chương trình, sự kiện, hội chợ, hội thảo;		Sở Ngoại vụ, cơ quan Báo,		

TT	Nội dung công việc	Cơ quan đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian hoàn thành (dự kiến)	Ghi chú
1	hợp tác quốc tế về xúc tiến du lịch. - Tổ chức đoàn đi xúc tiến du lịch tại các tỉnh có thể mạnh về du lịch và các tỉnh nằm trong chương trình liên kết phát triển du lịch (Cham- pasak – CHDCND Lào)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	đài Trung ương và địa phương, Hiệp hội Du lịch tỉnh, doanh nghiệp kinh doanh du lịch và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2014 - 2020	
2	Xây dựng chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch giai đoạn 2014-2020			Năm 2014 - 2020	
3	Tổ chức công bố, hướng dẫn và hỗ trợ phát triển thương hiệu các sản phẩm được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam và Châu Á xác lập		các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2014 - 2020	
VII	VỀ ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH				
1	Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực du lịch đến năm 2020	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Năm 2015	
VIII	VỀ BẢO ĐẢM MÔI TRƯỜNG DU LỊCH				
1	Triển khai chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc lĩnh vực du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2014 - 2020	
2	Chỉnh trang và xây dựng nhà vệ sinh mới tại các khu, điểm du lịch đạt chuẩn phục vụ khách du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện, thành phố	Các đơn vị liên quan	Năm 2014 - 2015	

(Nguồn: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

2.3.3.2. Điều hành hoạt động liên kết, hợp tác và quảng bá, xúc tiến phát triển du lịch

Hợp tác, liên kết du lịch là một trong những nội dung quan trọng của quản lý nhà nước về du lịch của tỉnh, việc hợp tác chặt chẽ luôn mang lại những hiệu quả to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội đối với các địa phương liên kề trong một vùng, một khu vực.

Nhận thức tầm quan trọng của việc liên kết phát triển du lịch, tỉnh Quảng Ngãi đã đặt ra chủ trương liên kết với các địa phương nhằm phát triển thế mạnh du lịch của tỉnh. Theo đó, Quảng Ngãi đã ký liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa 03 tỉnh Bình Định, Kon Tum, Quảng Ngãi và phối hợp với ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam tổ chức Chương trình Famtrip Lý Sơn và ký biên bản ghi nhớ hợp tác phát triển du lịch giữa 03 địa phương. Trên cơ sở đó, hàng năm các địa phương đã có sự phối hợp thực hiện các nội dung đã ký kết hợp tác. Việc liên kết hợp tác này bước đầu đã đem lại kết quả tích cực ở các lĩnh vực như phối hợp quảng bá xúc tiến, phối hợp tổ chức các sự kiện du lịch, đào tạo lao động du lịch... Ngoài ra, công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được tỉnh quan tâm đầy mạnh. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thường xuyên phối hợp các sở ngành địa phương trong và ngoài tỉnh thực hiện công tác tuyên truyền, xúc tiến, quảng bá phát triển du lịch ở những vùng trọng điểm nhiều sự kiện văn hóa du lịch lớn, với nhiều hình thức thể hiện mới, độc đáo nhằm quảng bá, giới thiệu hình ảnh du lịch địa phương đến với du khách giới thiệu du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như xây dựng và phát hành nhiều ấn phẩm du lịch bằng nhiều Anh, Nhật, nâng cấp Webservice du lịch Quảng Ngãi, panô quảng bá du lịch, biển hiệu du lịch cộng đồng Lý Sơn, videoclip quảng bá du lịch Lý Sơn. Nhờ đó, hình ảnh Quảng Ngãi nói chung và du lịch Quảng Ngãi nói riêng được nhiều du khách trong và ngoài nước biết đến, thương hiệu du lịch đảo Lý Sơn được khẳng định.

2.3.3.3. Điều hành xây dựng tổ chức bộ máy và nhân sự trong quản lý nhà nước về du lịch ở tỉnh Quảng Ngãi

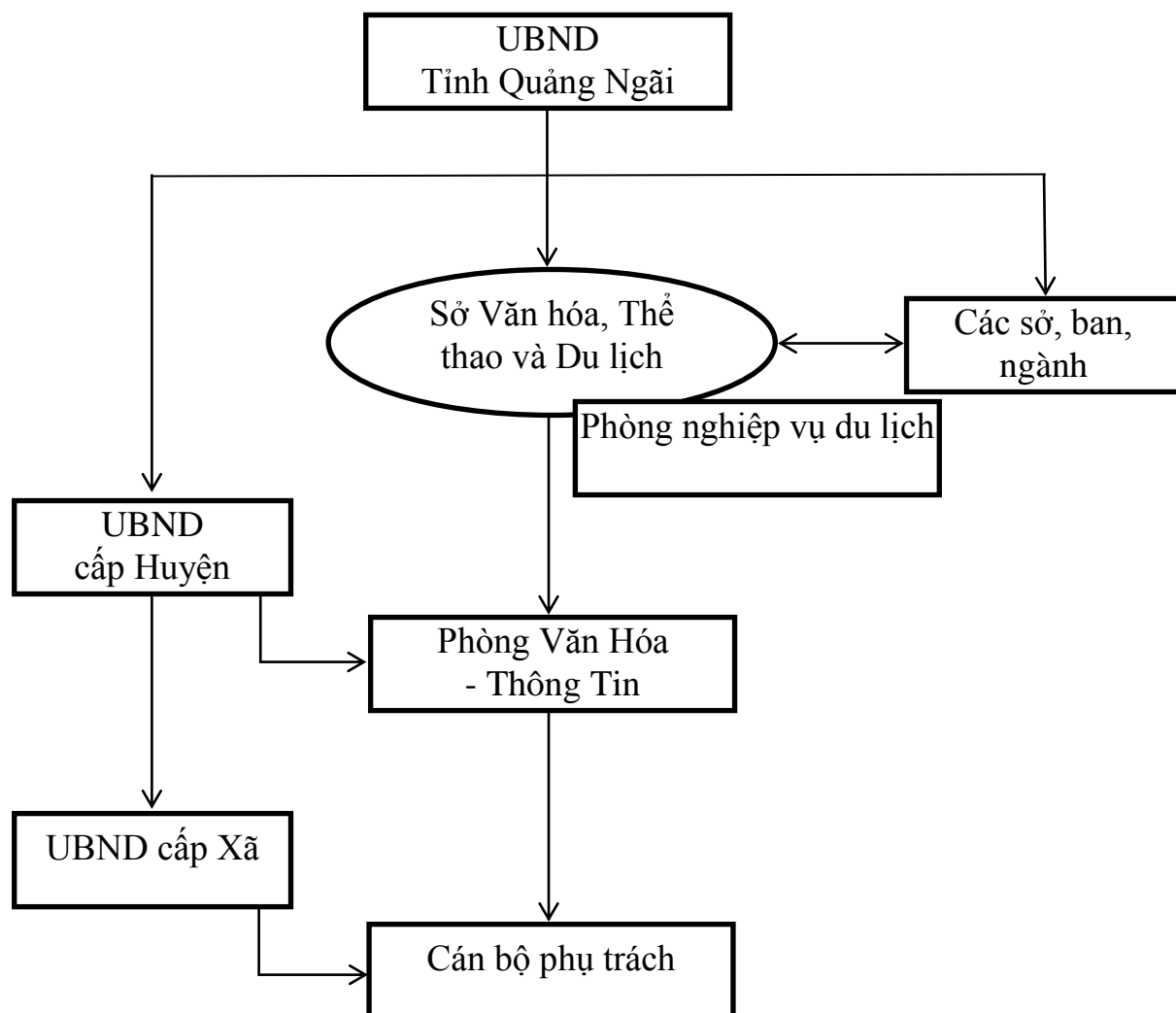
Theo Điều 11 của Luật Du lịch 2005, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về du lịch; cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện QLNN về du lịch; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW (UBND cấp tỉnh) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo sự phân cấp của Chính phủ có trách nhiệm thực hiện QLNN về du lịch tại địa phương.

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch ở Quảng Ngãi thực hiện theo Thông tư Liên tịch số 43/2008/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Liên bộ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hoá và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở bao gồm 9 phòng ban nghiệp vụ và 10 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, trong đó trực tiếp thực hiện chức năng quản lý phát triển du lịch có Phòng Nghiệp vụ du lịch và bộ phận thông tin Xúc tiến Du lịch. Cơ cấu chức năng nhiệm vụ dần được bổ sung để đáp ứng yêu cầu công việc.

Hiện nay Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi chịu sự chỉ đạo trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Du lịch Bộ trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Nhìn chung, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch ở Quảng Ngãi hiện nay cơ bản đảm bảo nhiệm vụ quản lý hoạt động du lịch trong toàn tỉnh.



Chú thích: \longleftrightarrow điều hòa, phối hợp hoạt động
 \longrightarrow chịu sự chỉ đạo trực tiếp

Bảng 2.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy QLNN về du lịch ở địa phương

2.3.3.4. Điều hành hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch

Để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành du lịch trên thị trường khu vực và quốc tế, ngoài việc thực hiện đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển đa dạng sản phẩm, dịch vụ việc tổ chức quản lý phát triển nguồn nhân

lực du lịch là việc làm vô cùng cần thiết. Nhận thức rõ điều này, hàng năm Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi đều tổ chức các lớp đào tạo, đào tạo lại tại chỗ và bồi dưỡng kiến thức du lịch cộng đồng cho nhân dân địa phương nơi có khu, điểm du lịch và lao động tham gia làm dịch vụ du lịch.

Ngoài ra, ngành du lịch đã phối hợp với Trường Cao đẳng du lịch Huế tổ chức 03 lớp đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, chủ cơ sở lưu trú, thuyết minh viên các điểm du lịch như: đảo lý Sơn, di tích Khu chứng tích Sơn Mỹ và Khu lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đền thờ anh hùng Trương Định với 150 người, 2 lớp nghiệp vụ du lịch cho 200 nhân viên của các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh. Ngành du lịch đã chuẩn bị cụ thể về kế hoạch tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn, chương trình, nội dung và thời gian tổ chức các lớp học phù hợp với từng đối tượng, đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra, trang bị cho học viên nhiều kiến thức bổ ích về kỹ năng, nghiệp vụ, thông qua đó giúp học viên từng bước nâng cao chất lượng quản lý và phục vụ khách.

Có thể nói công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho ngành du lịch Quảng Ngãi trong những năm qua đã và đang từng bước được hoàn thiện; các lớp đào tạo, tập huấn được tổ chức và thực hiện khá sát với nhu cầu thực tế tuy nhiên hiệu quả đào tạo lại chưa cao, đội ngũ lao động được tham gia bồi dưỡng với những khóa học ngắn hạn (từ 3 -5 ngày) khó lòng nắm bắt được khối lượng kiến thức lớn trong khoảng thời gian ngắn. Mặt khác, do trình độ của người lao động còn hạn chế, việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về lợi ích phát triển chưa sâu sát nên có rất ít đối tượng tham gia dẫn tới việc chất lượng đào tạo vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

2.3.3.5. Chỉ đạo điều hành kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch

Để đảm bảo việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của nhà nước

về du lịch trên địa bàn tỉnh, hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành luôn được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi duy trì thường xuyên, tích cực, chủ động bám sát yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc kiểm tra tại các khu du lịch, địa điểm tham quan nơi tập trung nhiều du khách và các cơ sở lưu trú, góp phần chấn chỉnh, uốn nắn các biểu hiện sai phạm trong hoạt động kinh doanh của cơ sở lưu trú, nhà hàng trên địa bàn. Nội dung thanh tra được tiến hành trên các mặt:

- Đối với cơ sở lưu trú: việc treo biển hiệu, quảng cáo hạng sao; niêm yết và thực hiện công khai giá cả buồng phòng, dịch vụ trong cơ sở; việc duy trì cơ sở vật chất, trang thiết bị tương ứng với hạng sao; về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ quản lý và nhân viên; việc chấp hành quy định về xếp hạng và việc chấp hành về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm trong cơ sở lưu trú du lịch.

- Đối với khu du lịch, điểm tham quan: kiểm tra việc đảm bảo vệ sinh môi trường; việc thu phí, lệ phí; việc chấp hành quy định pháp luật của các cơ sở hoạt động kinh doanh dịch vụ tại khu du lịch, kiên quyết xử lý hiện tượng chèo kéo khách, cò mồi, ép giá du khách.

Trong 05 năm (2011-2015), Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi đã kết hợp với các phòng chức năng tiến hành kiểm tra liên ngành các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn, đồng thời phối hợp với các ban ngành của tỉnh tiến hành điều tra, thẩm định và tái thẩm định các cơ sở lưu trú trong toàn tỉnh.

Chỉ tính riêng trong năm 2013 qua kiểm tra các cơ sở lưu trú đã phát hiện 12 cơ sở vi phạm việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy chưa đảm bảo theo quy định, số tiền xử phạt vi phạm hành chính nộp ngân sách nhà nước 20.000.000 đồng.

Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã phối hợp chặt chẽ

với Phòng Cảnh sát hành chính trật tự Công an tỉnh Quảng Ngãi giải quyết triệt để những khiếu nại của du khách về an ninh, trật tự liên quan đến du lịch, góp phần nâng cao ý thức chấp hành các quy định về an ninh, trật tự của nhân dân cũng như các doanh nghiệp kinh doanh du lịch của tỉnh trong thời gian gần đây.

2.4. Đánh giá chung về quản lý nhà nước về du lịch tại tỉnh Quảng Ngãi hiện nay

2.4.1. Những mặt tích cực trong công tác quản lý nhà nước về du lịch và nguyên nhân

Thời gian qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn song công tác QLNN về du lịch ở tỉnh Quảng Ngãi có bước chuyển biến rất tích cực, góp phần quan trọng thúc đẩy du lịch của tỉnh phát triển. Cụ thể là:

Thứ nhất, công tác ban hành văn bản Quy phạm pháp luật để quản lý nhà nước về du lịch, định hướng phát triển du lịch và tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước về du lịch được quan tâm triển khai. Từng bước nhận thức về du lịch trong các cấp, các ngành chuyển biến theo hướng tích cực. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, cơ bản tạo lập môi trường pháp luật thuận lợi cho sự phát triển của ngành du lịch địa phương như ban hành các chính sách ưu đãi về thuế, ưu đãi thuê đất đai, cải cách thủ tục hành chính nên thu hút được lượng đầu tư đáng kể vào lĩnh vực du lịch của tỉnh. Cơ sở hạ tầng không ngừng được đầu tư xây dựng, đặc biệt là các tuyến đường giao thông quan trọng phục vụ cho du lịch

Thứ ba, cơ bản tổ chức tốt việc chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát các mặt của hoạt động du lịch:

Công tác quy hoạch và kế hoạch phát triển du lịch của tỉnh được thực hiện, quy hoạch các không gian du lịch trọng điểm. Trên cơ sở đó, các doanh

nghiệp du lịch trên địa bàn xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh của mình phù hợp với định hướng phát triển chung của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý tài nguyên du lịch, quản lý đất đai, xây dựng sản phẩm du lịch góp phần đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội. Các nhà đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch an tâm, có kế hoạch đầu tư những công trình trọng tâm khắc phục được một phần hiện tượng đầu tư dàn trải, lãng phí.

Công tác điều hành hoạt động liên kết, hợp tác và quảng bá, xúc tiến phát triển du lịch, việc hợp tác, liên kết liên ngành, liên vùng, liên quốc gia trong HDDL, giữa địa phương và Trung ương trong QLNN về du lịch ngày càng tích cực và hiệu quả hơn. Đã tổ chức được nhiều sự kiện, hội nghị quan trọng nâng tầm vóc của du lịch Quảng Nam trong cả nước và quốc tế. Hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch có sự thay đổi về chất và lượng. Hình ảnh du lịch Quảng Ngãi mà trọng tâm đảo Lý Sơn, thu hút du khách và các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến với Quảng Ngãi

Công tác điều hành hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Đội ngũ cán bộ QLNN về du lịch từng bước được nâng lên.

Chỉ đạo điều hành kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch được quan tâm, công tác kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động du lịch được duy trì đều đặn, giữ gìn kỷ cương pháp luật trong hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh, tạo sự công bằng trong hoạt động kinh doanh du lịch.

Đạt được những kết quả trên là nhờ: cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung, cơ chế, chính sách, pháp luật du lịch nói riêng, nhất là Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn thực hiện cơ bản phù hợp với tình hình thực tế và thông lệ quốc tế, từng bước tạo sự thuận lợi cho QLNN đối với hoạt động du lịch của tỉnh.

Sự lãnh đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND, sự chỉ đạo thường xuyên của

UBND tỉnh, đã cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương cũng như ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, sự hỗ trợ, giúp đỡ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng Cục Du lịch cũng như sự phối hợp, hợp tác của các ban ngành, các tổ chức quốc tế, sự chủ động của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

2.4.2. Những hạn chế trong quản lý nhà nước về du lịch và nguyên nhân

Bên cạnh những mặt tích cực đạt được, công tác quản lý nhà nước về du lịch ở tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua cũng những hạn chế, cụ thể:

2.4.2.1. Những tồn tại, hạn chế trong công tác ban hành văn bản Quy phạm pháp luật để quản lý nhà nước về du lịch, định hướng phát triển du lịch và tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước về du lịch

Căn cứ để ban hành các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi thời gian qua còn chưa đầy đủ và chuẩn xác. Cụ thể là, còn thiếu các cuộc điều tra, nghiên cứu thị trường trong nước và quốc tế; các tài liệu phân tích đối thủ cạnh tranh.... Các tài liệu đánh giá lợi thế phát triển chưa cụ thể, danh mục đầu tư trải rộng, các dự báo, các tiêu chuẩn định mức tính toán chưa thật sát với điều kiện cụ thể của Quảng Ngãi, chưa lường hết được các biến động và những khó khăn sẽ nảy sinh. Phương pháp xây dựng chủ yếu là dự báo, cân đối. Các lựa chọn mang nhiều yếu tố chủ quan, thiếu các phương pháp khoa học hỗ trợ.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về du lịch cho người dân và cộng đồng dân cư địa phương được chính quyền tỉnh thực hiện khá tích cực, song hiệu quả mang lại còn thấp, chưa có sức lan tỏa; vẫn còn những tệ nạn, tiêu cực xảy ra trên địa bàn tỉnh gây ảnh hưởng không tốt đến môi trường du lịch.

2.4.2.2. Những tồn tại, hạn chế trong nhiệm vụ tạo lập môi trường, khuôn khổ pháp lý cho phát triển du lịch ở địa phương

Môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh chưa thật sự thông thoáng,

ổn định và thật sự thuận lợi, kịp thời, thể hiện ở việc cụ thể hoá và ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền để quản lý còn chậm, chồng chéo giữa các ban ngành, nội dung chưa sát hợp với điều kiện, tiềm năng phát triển du lịch ở tỉnh. Thủ tục hành chính đối với kinh doanh và đầu tư cho ngành du lịch còn phức tạp, gây phiền hà cho các nhà đầu tư như tiến độ thông qua thiết kế quy hoạch và cấp phép xây dựng còn chậm, việc xử lý và giải quyết tình hình an ninh trật tự ở một số địa phương chưa tốt.

2.4.2.3. Những tồn tại hạn chế trong công tác tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch

- Trong điều hành xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đề ra nhiều biện pháp tốt nhưng chất lượng quy hoạch còn hạn chế, thiếu tầm nhìn chiến lược, chưa được bổ sung, điều chỉnh kịp thời, một số quy hoạch thiếu tính khả thi. Có quy hoạch chồng chéo với quy hoạch của các ngành khác như chồng chéo với quy hoạch của ngành xây dựng, giao thông. Việc quy hoạch các điểm, khu, tuyến du lịch chưa được triển khai đồng bộ, chưa tạo nên hiệu quả tổng thể. Việc quản lý quy hoạch chưa được chặt chẽ. Thực tế cho thấy nhiều khu, điểm du lịch đã được đưa vào quy hoạch nhưng đồng thời người ta lại cho triển khai các dự án phát triển khai khoáng đã làm phá vỡ không gian du lịch và hủy hoại tài nguyên du lịch

- Điều hành hoạt động liên kết, hợp tác và quảng bá, xúc tiến phát triển du lịch được quan tâm tuy nhiên chưa thường xuyên, vẫn còn ở quy mô nhỏ quá trình triển khai thực hiện chưa mang lại kết quả tương xứng. Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch còn hạn chế thể hiện ở việc nghiên cứu thị trường chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Chưa tổ chức được các đợt khảo sát, nghiên cứu, đánh giá thị trường du lịch Quảng Ngãi một cách quy mô. Vì vậy, chưa góp phần hoạch định chiến lược cho quảng bá, xúc tiến du lịch Quảng Ngãi. Ở cấp tỉnh cũng như các địa phương, doanh nghiệp đa số vẫn chưa có chiến lược xúc tiến du lịch dài hạn.

Điều này hạn chế hiệu quả công tác xúc tiến du lịch nhất là ở thị trường nước ngoài. Các hoạt động xúc tiến du lịch còn bị động trong tổ chức thực hiện, chưa có nhiều sáng tạo trong cách thể hiện, chưa có chiều sâu. Mức độ thu hút sự quan tâm của du khách, của các phương tiện truyền thông đối với một số sự kiện chưa cao, tính quảng bá của một số sự kiện chưa cao.

- Điều hành xây dựng tổ chức bộ máy và nhân sự trong quản lý nhà nước về du lịch ở tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn hạn chế dẫn đến tổ chức bộ máy chưa tương xứng với nhiệm vụ là ngành kinh tế mũi nhọn. Lĩnh vực du lịch là một mảng công việc rộng lớn, nhiều vấn đề cần xử lý, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành trong khi đó Sở VH, TT và DL quản lý 3 lĩnh vực chuyên môn là văn hóa, thể thao và lĩnh vực du lịch. Thực tế đó dẫn đến việc quá tải trong quản lý của Sở và công tác quản lý du lịch đôi lúc không chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

Ở các huyện công tác quản lý nhà nước về du lịch được giao cho phòng Văn hóa - Thông tin, tại các khu du lịch có Ban quản lý nhưng công tác quản lý nhà nước về du lịch chưa đạt hiệu quả cao. Vai trò quản lý nhà nước ở cấp huyện còn mờ nhạt, chưa chuyên sâu.

Trình độ chính trị, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý chưa tương xứng với yêu cầu và nhu cầu thực tế. Việc phát hiện, sử dụng cán bộ trẻ có năng lực còn hạn chế.

Một bộ phận cán bộ, công chức có biểu hiện không sâu sát cơ sở; tác phong, nề nếp công tác, sinh hoạt chậm đổi mới, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu về quản lý, chỉ đạo và điều hành cơ sở.

- Điều hành công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch đã có nhiều cố gắng nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển ngành hiện nay. Nhân lực cho du lịch thiếu, trình độ quản lý, tay nghề của đội ngũ cán bộ nhân viên lao động trong ngành chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là trình độ ngoại ngữ, tin học. Số lượng được đào tạo còn hạn chế trên tổng số biên chế hiện

có. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt hoạt động du lịch từ công tác quản lý nhà nước về mặt du lịch, đến chất lượng từng sản phẩm du lịch cụ thể cũng như sự vận hành và phát triển của toàn hệ thống. Công tác bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên ngành du lịch còn nhiều hạn chế, tập huấn quá ít, chỉ tập trung vào một số đối tượng, bộ phận, khu vực.

- Chỉ đạo điều hành kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch mặc dù được chính quyền tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện nhưng từng lúc, từng nơi hiệu quả chưa cao, cụ thể : Giám sát, kiểm tra các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch, đặc biệt là dịch vụ lưu trú, ăn uống lữ hành cũng như công tác giám sát việc bảo vệ, tôn tạo khai thác, phát triển tài nguyên du lịch chưa chặt chẽ dẫn đến một số cơ sở kinh doanh tùy tiện nâng giá bắt chặt khách du lịch, tình trạng ô nhiễm môi trường còn xảy ra làm ảnh hưởng cảnh quang du lịch, không an toàn vệ sinh thực phẩm; phát triển các cơ sở kinh doanh du lịch một cách tự phát, xâm hại các khu di tích đã ảnh hưởng đến quy hoạch du lịch của tỉnh. Công tác giữ gìn trật tự, trị an tại các điểm tham quan du lịch vẫn chưa đảm bảo, vẫn còn những tệ nạn xảy ra làm cho du khách chưa thật sự yên tâm.

2.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

2.4.3.1. Nguyên nhân khách quan

Quảng Ngãi là tỉnh có xuất phát điểm về kinh tế thấp, hệ thống kết cấu hạ tầng ở khu vực nông thôn, miền núi nơi có khả năng phát triển du lịch còn yếu kém, trong khi phát triển du lịch đòi hỏi một quá trình đầu tư xây dựng lâu dài, nhiều vốn. Tài nguyên du lịch của tỉnh khá phong phú nhưng không tập trung mà phân tán tại các địa bàn khác nhau, chủ yếu các vùng miền núi, hải đảo, vùng xa, cơ sở hạ tầng chưa được xây dựng nên khó khăn trong quá trình quản lý, đầu tư.

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực khác nhau, do các lĩnh vực khác thực hiện chưa tốt đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển du lịch.

Bộ máy quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương thay đổi do sáp nhập, chia tách nhiều lần, thiếu tính ổn định đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý nhà nước về du lịch, không đảm bảo tính liên tục trong quản lý, hiệu lực quản lý chưa cao, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ quản lý du lịch trong tình hình mới.

Có thể nói trong thời gian qua việc ban hành và tổ chức thực hiện hệ thống văn bản quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi về cơ bản đã đáp ứng được phần nào nhu cầu thực tiễn, tuy nhiên việc triển khai thực hiện còn thiếu đồng bộ; hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành chậm được ban hành, chưa theo kịp sự biến động, phát triển của ngành du lịch cũng như tiến trình phát triển của đất nước

Trình độ đội ngũ cán bộ, công chức trong ngành du lịch của tỉnh còn nhiều bất cập. Đội ngũ nhân sự với 2/3 chuyên môn thuộc về các lĩnh vực khác, số còn lại rất ít có chuyên môn về lĩnh vực du lịch, chủ yếu là được bồi dưỡng thêm do đó cả về kiến thức lẫn kinh nghiệm thực tế cũng như tầm nhìn về quản lý nhà nước đối với du lịch còn hạn chế. Trong khi đó Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về du lịch. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến các cơ chế, chính sách quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn

2.4.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức của các ngành, các cấp về vị trí, vai trò của DL, về bảo vệ, khai thác tài nguyên và môi trường DL chưa đầy đủ, thiếu nhất quán. Một bộ phận cán bộ và nhân dân chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của kinh tế du lịch. Một số cấp ủy đảng và chính quyền trên địa bàn tỉnh trong lãnh đạo, điều hành công tác QLNN về du lịch còn hạn chế. Nội dung, phương thức và

phương pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật du lịch còn nghèo nàn, đơn điệu, chưa thông tin rộng rãi đến toàn thể nhân dân, cán bộ công chức trên địa bàn.

Công tác điều hành xây dựng chiến lược phát triển DL và QL phát triển DL thiếu đồng bộ, chồng chéo, thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành trong quản lý các hoạt động DL. Quảng Ngãi đã xác định chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Tuy nhiên, qua thời gian thực hiện quy hoạch trên bộc lộ nhiều yếu kém. Nhìn từ phía QLNN thì khuyết điểm lớn nhất là du lịch Quảng Ngãi về cơ bản vẫn mang nặng tính thụ động, chờ khách đến, chưa chủ động vươn ra thị trường, gắn bó với thị trường.

Bộ máy quản lý DL chưa được kiện toàn, đồng bộ đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng, phong phú của thực tế. Nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển du lịch còn chưa đáp ứng được nhu cầu.

Công tác xây dựng, quản lý quy hoạch về du lịch còn gặp nhiều khó khăn và bất cập. Kinh phí dành cho xúc tiến du lịch còn ít, nên việc chủ động xây dựng chương trình xúc tiến du lịch rất khó khăn.

Việc tổ chức thực hiện một số chủ trương, chính sách về du lịch chưa tốt, thiếu kiểm tra, đôn đốc và tổng kết rút kinh nghiệm; chưa đồng bộ giữa cơ chế, chính sách đề ra và việc bố trí nhân lực để triển khai thực hiện.

Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thanh tra, kiểm tra hoạt động động kinh doanh du lịch. Xử lý vi phạm trong quản lý nhà nước về du lịch vẫn còn nhẹ, mức xử phạt chưa đủ mạnh để răn đe những đối tượng vi phạm.

CHƯƠNG 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH

3.1. Quan điểm tăng cường quản lý nhà nước về du lịch

3.1.1. Mục tiêu phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Ngãi

Kết luận của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ bảy (khoá XVIII) về phát triển du lịch Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 đã xác định mục tiêu: *“phát triển du lịch Quảng Ngãi trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, là một trong những tâm điểm du lịch trong vùng Miền Trung - Tây Nguyên trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế về du lịch. Phấn đấu đến năm 2020, du lịch của tỉnh được xếp vào nhóm các tỉnh có du lịch phát triển trong cả nước”*. Theo đó, phương hướng phát triển du lịch là: Đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn làm động lực thúc đẩy các ngành khác cùng phát triển, thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế hợp lý trên địa bàn. Du lịch có tốc độ phát triển nhanh và bền vững, tranh thủ khai thác mọi nguồn lực trong và ngoài nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế; nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu du khách.

Từ phương hướng chung đó, mục tiêu tổng quát đề ra cho du lịch Quảng Ngãi đến năm 2015 tầm nhìn đến năm 2020 là: phát triển nhanh và bền vững để du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, tăng thu nhập cho xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, tăng tiềm lực kinh tế - quốc phòng - an ninh của tỉnh, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế - xã hội phát triển.

Phát triển du lịch góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hoá; cải tạo cảnh quan môi trường; nâng cao trình độ dân trí; thúc đẩy tiêu dùng và phát triển nhiều dịch vụ; trở thành “đầu tàu” lôi kéo nhiều ngành kinh

tế khác phát triển; tạo việc làm, góp phần xoá đói giảm nghèo ở các vùng còn nhiều khó khăn.

*Bảng 3.1. Các chỉ tiêu phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2015-2020*

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giai đoạn 2015 – 2020	
		2015	2020
Khách du lịch	Lượt	600.000	950.000
Khách quốc tế	Lượt	50.000	70.000
<i>Ngày lưu trú trung bình</i>	<i>Ngày</i>	2,8	3,0
<i>Mức chi tiêu bình quân</i>	<i>USD</i>	78 – 90	
Khách nội địa	Lượt	550.000	880.000
<i>Ngày lưu trú trung bình</i>	<i>Ngày</i>	2,3	2,9
<i>Mức chi tiêu bình quân</i>	<i>1.000đ</i>	750 – 850	
Tổng thu du lịch	Tỷ đồng	550	880
Lao động	Người	9.300	13.000
Trong đó: Trực tiếp	Người	3.000	4.200
Gián tiếp	Người	6.300	8.800

3.1.2. Quan điểm tăng cường quản lý nhà nước về du lịch

Để thực hiện mục tiêu phát triển ngành du lịch như trên, cần phải tăng cường quản lý nhà nước về du lịch. Tăng cường quản lý nhà nước về du lịch cần thực hiện theo các quan điểm sau:

Một là, tăng cường quản lý nhà nước về du lịch trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng. Giữ vững vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong quản lý nhà nước về du lịch là vấn đề có tính nguyên tắc, bảo đảm việc quản lý theo đúng quy định của pháp luật, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn làm động lực thúc đẩy các ngành khác cùng phát triển, thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế hợp lý trên địa bàn.

Hai là, hoàn thiện quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch gắn liền

với đổi mới nhận thức về vai trò của du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý phải hướng tới chỗ tạo môi trường thuận lợi cho du lịch phát triển. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, tỉnh cần vận dụng cơ chế, chính sách của trung ương vào điều kiện đặc thù của địa phương, cải cách thủ tục hành chính tích cực hơn nữa để tạo ra sự thông thoáng trong quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch.

Ba là, quản lý để phát triển du lịch tỉnh theo với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao chất lượng quy hoạch du lịch đảm bảo khai thác lợi thế so sánh của tỉnh để phát triển du lịch bền vững, bảo vệ tốt tài nguyên du lịch và môi trường tự nhiên và truyền thống văn hóa.

Bốn là, quản lý nhà nước về du lịch phải dựa trên sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cấp, ngành địa phương trong quản lý. Cần có nhận thức đúng đắn về phát triển du lịch trong tất cả các cấp, các ngành, từ đó có sự chỉ đạo phối hợp chặt chẽ để đưa việc phát triển du lịch trở thành nhiệm vụ chung của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi người dân.

3.2. Các giải pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về du lịch

3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về du lịch

3.2.1.1. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách đối với HD DL

Về chính sách đầu tư: Tài nguyên DL thuộc sở hữu toàn dân, tuy nhiên cần nghiên cứu đề xuất chính sách giao quyền QL và khai thác cho địa phương nơi có tài nguyên. Các đối tác khác có thể cùng hợp tác đầu tư khai thác với chính quyền địa phương trên cơ sở mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương và các đối tác khác. Khuyến khích các địa phương có những biện pháp thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào khai thác và bảo vệ tài nguyên của mình. Cần có cơ chế thông thoáng, bảo đảm sự công bằng cho mọi thành phần kinh tế trong việc đầu tư, bảo vệ tôn tạo và khai thác tài nguyên DL. Cần nghiên cứu học tập chính sách đầu tư của các nước trên thế giới,

nhất là các nước trong khu vực, giúp chúng ta hòa nhập với xu thế chung.

Về chính sách thuế: DL không chỉ là một ngành kinh tế đơn thuần mà là ngành kinh tế mang tính xã hội sâu sắc, ngoài mục tiêu kinh tế, ngành DL còn góp phần nâng cao dân trí, tăng cường sức khỏe cư dân, tăng cường tinh đoàn kết cộng đồng, ý thức bảo vệ môi trường, giải quyết công ăn việc làm, làm động lực thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển ... Do đó, cần có cơ chế khuyến khích phát triển DL thông qua việc miễn giảm thuế, nhất là trong những năm đầu. Đối với các dự án phát triển DL, nhất là DL sinh thái và đặc biệt là ở những vùng đất còn hoang sơ, nơi có cơ sở hạ tầng còn chưa phát triển, NN có những chính sách hỗ trợ cụ thể và thiết thực. Bên cạnh đó, căn cứ vào tình hình cụ thể, NN cần nghiên cứu giảm thuế nhập khẩu các mặt hàng, trang thiết bị chuyên dùng trong ngành DL, coi chúng không phải hàng tiêu dùng mà là tư liệu sản xuất của ngành để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao phục vụ du khách.

Đối với các cơ chế, chính sách về xúc tiến, phát triển thị trường DL: Để phát triển thị trường trong nước, cần có chính sách động viên, khuyến khích mọi người đi DL. Cần làm rõ nhận thức về DL ở mọi cấp, đặc biệt trong quần chúng nhân dân. Giới thiệu một số chính sách yểm trợ cho hoạt động DL của các nước như giảm giá vé trong các kỳ nghỉ hè, nghỉ tết, hỗ trợ tài chính cho cán bộ nhân viên đi nghỉ ngơi, DL trong và ngoài nước. Phải coi DL là một trong những biện pháp làm giàu tài nguyên trí tuệ, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Đối với thị trường nước ngoài, ngoài việc tận dụng tối đa các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền, quảng cáo cho DL Việt Nam, cần xúc tiến nhanh việc đặt phòng đại diện tại các thị trường DL trọng điểm và mục tiêu ... Cần cải tiến các thủ tục xuất nhập cảnh hơn nữa.

Về chính sách phát triển khoa học, kỹ thuật liên quan đến DL: Cần tăng

cường đầu tư nghiên cứu và áp dụng công nghệ vào tổ chức, thực hiện và QL DL ở các cấp. NN cần có một nguồn ngân sách thích đáng để đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu và triển khai về DL các mặt. Trước mắt cần nghiên cứu đánh giá lại các nguồn lực phục vụ phát triển DL, nghiên cứu nhu cầu về DL. Việc nghiên cứu về hình ảnh DL, về những nhận định, đánh giá của du khách, đặc biệt là của du khách quốc tế cũng cần được đầu tư thích đáng.

3.3.1.2. Hoàn thiện các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động quản lý nhà nước về du lịch

Sớm ban hành hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật DL năm 2005:

Trên cơ sở Luật Du lịch đã được ban hành, ngành DL cần chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiên cứu trình Chính phủ ban hành các Nghị định về quản lý khu, tuyến, điểm DL; Nghị định về kinh doanh lữ hành, hướng dẫn DL; Nghị định về cơ sở lưu trú du lịch mới để hướng dẫn thi hành các quy định của Luật DL. Một số văn bản đã quá lâu nhưng vẫn chưa được ban hành, ví dụ: Nghị định về khu, tuyến, điểm DL; Nghị định về quỹ phát triển ngành DL.

Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật DL phải bảo đảm quy định chặt chẽ và hướng dẫn cụ thể về các nội dung trong HDDL như khách DL; bảo vệ, khai thác, phát triển tài nguyên DL và bảo vệ môi trường trong HDDL; xúc tiến DL, hướng dẫn viên DL, kinh doanh DL, hợp tác quốc tế về DL, QLNN về DL. Đặc biệt các văn bản dưới Luật ngoài quy định nội dung QLNN trong lĩnh vực DL cần làm rõ sự phân công, phân cấp của các Bộ, ngành, địa phương.

Hình thành khuôn khổ pháp lý bình đẳng cho tất cả các thành phần kinh tế tham gia phát triển DL. Sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp NN trong lĩnh vực DL:

DL không chỉ là một ngành kinh tế mà còn là một lĩnh vực nghệ thuật

giao tiếp, nghệ thuật thoả mãn nhu cầu chính đáng về tinh thần và vật chất của khách DL, kể cả DL trong và ngoài nước. Đặc biệt là khách DL nước ngoài, đa số họ đến từ các nước phát triển, đã quen với nền dân chủ tư sản hàng trăm năm, quen được tự do thoải mái, riêng tư được tôn trọng, họ đến Việt Nam chủ yếu là nhằm mục đích DL, kinh doanh, chỉ một số ít có ý đồ xấu hoặc bị bọn xấu lợi dụng. Vì vậy, cần chú ý đặc điểm này khi xây dựng pháp luật.

Xây dựng cơ chế pháp lý để quản lý hiệu quả tài nguyên DL:

Tài nguyên DL là cơ sở để phát triển DL. Tiềm năng DL quốc gia được đánh giá dựa trên chính tài nguyên DL của quốc gia đó. Do vậy, bảo vệ và khai thác một cách hợp lý tài nguyên DL phải được coi là một trong những vấn đề mà pháp luật trong lĩnh vực DL cần quan tâm.

Hiện nay, việc QL tài nguyên DL thuộc quyền QL của nhiều Bộ, ngành, có trường hợp lại thuộc quyền QL của địa phương. Vì vậy, để khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên DL cần có cơ chế pháp lý phân định thẩm quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm cụ thể cũng như cơ chế phối hợp giữa các cơ quan QL các khu vực có tài nguyên DL và cơ quan QLNN về DL; ban hành các quy định về khai thác và QL, bảo vệ tôn tạo các tài nguyên DL; có cơ chế phân bổ nguồn thu từ DL vào bảo vệ, tôn tạo tài nguyên DL.

Hoàn thiện các quy định về kinh doanh lữ hành và cơ sở lưu trú DL; các quy định về quyền và nghĩa vụ của khách DL:

Cụ thể hoá các quy định về cấp giấy phép kinh doanh lữ hành trên thị trường đáp ứng được những điều kiện nhất định, đảm bảo chất lượng của các tour DL cung cấp cho khách DL quốc tế. Bên cạnh đó, cũng cần bổ sung các quy định về đại lý DL theo hướng các đại lý DL thực hiện chức năng bán lẻ chương trình DL, thu gom khách cho các công ty lữ hành, từ đó quy định mối quan hệ giữa Công ty lữ hành và chi nhánh công ty lữ hành, tránh tình trạng hoạt động bán chuyên nghiệp của các đại lý DL hiện nay đồng thời ngăn chặn

tình trạng trốn thuế.

Đối với các quy định về cơ sở lưu trú DL, hiện nay các quy định về lĩnh vực này đã tương đối đầy đủ và đồng bộ. Tuy nhiên, trong vấn đề xếp hạng, phân loại cần quan tâm thường xuyên để có sự thay đổi cho phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ hiện đại. Riêng vấn đề đăng ký tạm trú đối với khách tại các cơ sở lưu trú cần ban hành mẫu đăng ký tạm trú cho khách Việt Nam và khách nước ngoài; quy định rõ cơ quan công an nào có thẩm quyền nhận và xử lý các đăng ký tạm trú đồng thời bổ sung quy định không thu hộ chiếu của khách đối với những đoàn lớn, có trưởng đoàn chịu trách nhiệm.

Đối với khách DL, cần xây dựng một cơ chế đảm bảo hơn nữa quyền của khách DL bằng việc cụ thể hoá nghĩa vụ và trách nhiệm của các đơn vị kinh doanh DL; ban hành các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực DL; xây dựng cơ chế đảm bảo bồi thường thiệt hại một cách nhanh chóng và thỏa đáng cho khách khi bị thiệt hại; quy định chế độ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của đơn vị kinh doanh DL; hoàn thiện các quy định bảo đảm an ninh thân thể. Về nghĩa vụ của khách DL: cần cụ thể hóa hành vi và các biện pháp chế tài tương ứng với hành vi vi phạm; giảm bớt các biện pháp hành chính như kiểm tra, cấp phép để tạo tâm lý thoải mái cho khách DL.

3.2.1.3. Hoàn thiện các văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực có liên quan đến du lịch

Do đặc trưng của ngành DL là luôn có mối giao thoa với nhiều ngành KT-XH khác cho nên việc hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực DL không đơn thuần chỉ quan tâm đến việc hoàn thiện mảng pháp luật ngành DL mà còn phải hoàn thiện cả những mảng pháp luật có liên quan đến hoạt động DL.

Pháp luật về đầu tư:

Ở nước ta hiện nay đang tồn tại hai mảng pháp luật về đầu tư, đó là pháp luật về đầu tư nước ngoài và pháp luật về đầu tư trong nước. Đối với pháp luật về đầu tư nước ngoài cần hoàn thiện theo hướng: Tháo gỡ các vướng mắc trong thủ tục đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận đất đai, tiếp cận ngoại hối đối với các chủ đầu tư nước ngoài. Đối với pháp luật về đầu tư trong nước cần đầu tư theo hướng: đưa DL vào danh mục được hưởng ưu đãi đầu tư; có chính sách ưu đãi về đất đối với các dự án phát triển DL. Trên cơ sở đó, cần áp dụng các biện pháp ưu đãi miễn, giảm thuế, giảm tiền thuê đất, lãi suất ưu tiên khi vay vốn đầu tư. Điều chỉnh các phương pháp tính thuế và các lệ phí cho phù hợp với điều kiện phát triển của kinh doanh DL Việt Nam.

Pháp luật về tài chính:

Trong vấn đề về phí và lệ phí, nên bãi bỏ chính sách hai giá đối với khách DL quốc tế; sửa đổi quy định hiện nay về chi phí hoa hồng môi giới để cho phép doanh nghiệp chủ động hơn về vấn đề này; áp dụng chế độ hạch toán - kế toán bình đẳng giữa các doanh nghiệp; quy định cách tính giá các DV điện, nước, điện thoại hợp lý hơn cho các doanh nghiệp DL. Trong vấn đề thuế, nên áp dụng hoàn thuế cho các doanh nghiệp DL đối với các khoản chi phí thực tế và theo mức chi thực tế của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp kinh doanh lữ hành.

Pháp luật trong lĩnh vực xuất nhập cảnh và hải quan:

tiếp tục đơn giản thủ tục xuất nhập cảnh. Cho phép khách DL được xuất nhập cảnh qua bất kỳ cửa khẩu quốc tế nào của Việt Nam. Tiếp tục cải tiến thủ tục cấp visa, thực hiện cấp visa tại tất cả các cửa khẩu quốc tế, giảm phí visa, miễn visa cho tất cả khách DL đến các nước ASEAN, áp dụng thẻ tín dụng DL đối với các nước có đường biên giới chung với Việt Nam như Campuchia, Lào, Trung Quốc. Cần sớm ban hành các văn bản cụ thể hóa Luật

Hải quan, nhất là những quy định liên quan đến khách DL.

Đối với tỉnh Quảng Ngãi cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính có liên quan đến lĩnh vực du lịch. Minh bạch hóa các thủ tục hành chính, áp dụng mô hình một cửa liên thông trong đăng ký đầu tư, kinh doanh du lịch nhằm đảm bảo cho các hoạt động này được thực hiện một cách thuận tiện và tiết kiệm nhất. Xây dựng văn hóa giao tiếp thân thiện, nhiệt tình tạo niềm tin cho nhân dân và các nhà đầu tư

Tổ chức thực hiện tốt chính sách ưu đãi đầu tư đã ban hành nhằm thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế cho phát triển cơ sở hạ tầng và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch.

Xây dựng mức phí và giá dịch vụ du lịch phù hợp, đặc biệt là giá vé tham quan thắng cảnh tại các khu du lịch lớn của tỉnh.

Có chính sách ưu đãi trong việc huy động vốn đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ và tôn tạo nâng cao chất lượng môi trường du lịch.

Cần sớm đưa hoạt động quảng bá, quảng cáo, xúc tiến DL và thông tin DL đi vào nề nếp thông qua việc hình thành khung pháp lý, phân cấp rõ ràng cho các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương trong việc thông tin, quảng cáo, quảng bá và xúc tiến DL. Đây là nhiệm vụ ưu tiên để thúc đẩy công tác xúc tiến DL cả tầm quốc gia và tầm địa phương. Bên cạnh đó, phát triển DL phải gắn với phát triển bền vững, do vậy đối với công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển DL phải tính đến nhiều yếu tố kinh tế, xã hội, văn hoá, môi trường mà ở đó cộng đồng dân cư địa phương phải được hưởng lợi ích từ phát triển DL. Từ thực tế đó quản lý quy hoạch, đầu tư phát triển DL phải có sự tham gia của các cấp chính quyền địa phương ngay từ giai đoạn đầu. Quy hoạch, đầu tư phát triển DL bền vững khi được phân cấp mạnh cho địa phương, đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ làm công tác quy hoạch, kế hoạch am hiểu và có năng lực về lĩnh vực này. Do vậy cần không ngừng đào tạo, bồi

dưỡng về quản lý, quy hoạch cho đội ngũ cán bộ, công chức ở địa phương.

3.2.1.4. Hoàn thiện công tác quy hoạch phát triển du lịch

Tập trung hoàn thiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quảng Ngãi thời kỳ từ nay đến năm 2020 sao cho “*công tác quy hoạch phải có tầm nhìn xa, tránh các sai lầm, lường tính những phát sinh của quá trình công nghiệp hóa*” Theo đó, quy hoạch phát triển du lịch ở Quảng Ngãi phải phù hợp với chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ, phát triển tài nguyên du lịch và môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; bảo đảm tính khả thi, cân đối giữa cung và cầu du lịch và phát huy thế mạnh để tạo ra sản phẩm du lịch đặc thù của địa phương nhằm sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên du lịch, cụ thể là:

Quy hoạch phát triển du lịch vùng đông Quảng Ngãi gắn kết với du lịch ven biển, gắn quy hoạch du lịch với quy hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh và của các ngành khác như: giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, văn hoá...và đặc biệt là các trung tâm, khu, điểm du lịch trong tỉnh và cả nước.

Đối với vùng núi, quy hoạch xây dựng các khu du lịch phải tận dụng triệt để các tiềm năng, lợi thế, điều kiện tự nhiên và xã hội để quy hoạch xây dựng các khu du lịch có kiến trúc xây dựng phù hợp với cảnh quan. Hạn chế bố trí dân cư, tái định cư ven đường du lịch...và thực hiện nghiêm ngặt các qui định về xây dựng, đảm bảo phù hợp với kiến trúc Việt Nam và môi trường xanh của các khu du lịch.

3.2.2. Nhóm giải pháp về kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch

Kiến toàn hệ thống quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn nhưng đảm bảo thực hiện chức năng quản lý nhà nước về du lịch đạt chất lượng, hiệu quả cao.

Tinh giảm bộ máy quản lý nhà nước, giảm số lượng, tăng chất lượng để

làm tốt chức năng quản lý nhà nước về du lịch của tỉnh. Thực hiện quản lý theo mô hình trực tuyến để công tác quản lý nhà nước về du lịch thực hiện có hiệu quả. Cải cách bộ máy hành chính theo hướng, bỏ khâu trung gian, chồng chéo, đẩy mạnh phân cấp cho cấp huyện gắn trách nhiệm với người đứng đầu để đảm bảo sự năng động, tăng cường trách nhiệm trong giải quyết công việc. Hình thành cơ quan quản lý nhà nước về du lịch riêng ở các huyện, thành phố trực thuộc UBND cấp đó nhất là ở các huyện phát triển mạnh về du lịch như huyện đảo Lý Sơn. Ở các cơ quan này cần bố trí số lượng biên chế hợp lý, có chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch của địa phương.

Thành lập ban quản lý ở tất cả các khu du lịch trọng điểm, đơn giản hoá thủ tục thành lập doanh nghiệp, áp dụng cơ chế "một cửa" trong việc xét duyệt các thủ tục đầu tư và kinh doanh. Khuyến khích phát triển các hiệp hội nghề nghiệp trên địa bàn... nhằm ổn định kinh doanh, ổn định thị trường, tránh hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh.

Theo đó, bộ máy quản lý nhà nước du lịch ở Quảng Ngãi cần được sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu quả, đội ngũ cán bộ phải đảm bảo yêu cầu về trình độ, năng lực công tác. Coi trọng phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hợp lý về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo để đảm bảo tính chuyên nghiệp, thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực này.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, từng bước xây dựng đội ngũ các nhà quản lý nhà nước về du lịch năng động, sáng tạo, đủ năng lực điều hành các hoạt động kinh doanh du lịch đạt hiệu quả, mở rộng hợp tác đào tạo nguồn nhân lực quản lý nhà nước về du lịch với các cơ sở trong nước và quốc tế. Nâng cao nhận thức về du lịch cho nhân dân và khách du lịch.

Có chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch,

trên cơ sở đó có kế hoạch cụ thể như dự báo tình hình cán bộ trong ngắn hạn và dài hạn, có kế hoạch tạo nguồn, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, kế hoạch sử dụng. Việc làm này đảm bảo đội ngũ cán bộ không bị hụt hẫng, đảm bảo tính liên tục công tác quản lý.

Công tác tuyển dụng cán bộ phải làm chặt chẽ, đúng quy trình quy định để chọn ra được người có năng lực chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu công việc. Bên cạnh đó, phải chú trọng đến phẩm chất đạo đức, tránh tình trạng cục đoman, tuyệt đối hóa từng mặt.

Bố trí và sử dụng cán bộ đảm bảo đúng tiêu chuẩn và sở trường, đề bạt, bổ nhiệm đúng lúc, giao việc đúng tầm với cương vị thích hợp để cán bộ có môi trường phát triển được khả năng và cống hiến. Xác định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của từng vị trí nhằm tạo sự chủ động cho cán bộ và thuận lợi cho việc đánh giá cán bộ. Dần loại bỏ những cán bộ có phẩm chất đạo đức kém và năng lực chuyên môn yếu.

Có chính sách sử dụng, chính sách tiền lương và đãi ngộ thích đáng, thưởng, phạt rõ ràng, kịp thời để tạo động lực trong thực thi công việc

3.2.3. Nhóm giải pháp về tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động du lịch

Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí trong việc thanh tra, kiểm tra về du lịch một cách cụ thể phù hợp với các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn. Công tác thanh tra của chính quyền tỉnh Quảng Ngãi trong lĩnh vực du lịch là việc làm cần thiết trong thời gian đến nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý những những hành vi vi phạm pháp luật và vi phạm các chủ trương, chính sách về du lịch của Đảng, Nhà nước như các hành vi, tệ nạn gây ảnh hưởng đến môi trường du lịch như nạn chèo kéo khách, ăn xin, trật tự trị an, bảo vệ môi trường tại các điểm tham quan du lịch. Do vậy, yêu cầu đặt ra trong thời gian đến là tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động du lịch

góp phần tạo môi trường cho du lịch phát triển bền vững. Để đạt được những nội dung trên, cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

Tuyển chọn cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra có đủ năng lực, trình độ, đáp ứng được yêu cầu của công tác thanh tra, kiểm tra trong tình hình mới. Năng lực của người cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra không đơn giản chỉ dừng lại ở kiến thức chuyên môn về du lịch mà đòi hỏi phải có một sự hiểu biết toàn diện về tình hình phát triển kinh tế - xã hội và có quan điểm đúng đắn khi tiến hành thanh tra, kiểm tra để có thể đánh giá chính xác, khách quan bản chất của vấn đề được thanh tra, kiểm tra, tránh sự cứng nhắc, máy móc. Cán bộ thanh tra khi thực thi công việc phải nghiêm minh, không được du di. Nội dung thanh tra có trọng tâm, trọng điểm. Đặc biệt, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường ở các khu du lịch, các điểm du lịch lớn, nhạy cảm với môi trường.

Thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất, định kỳ đối với hoạt động kinh doanh du lịch để nâng cao chức năng thanh tra, kiểm tra. Tiến hành kiểm tra định kỳ theo đúng chương trình, kế hoạch đề ra, kiểm tra đột xuất nhằm kịp thời phát hiện, uốn nắn, sửa chữa những khuyết điểm, vi phạm. Các cuộc thanh tra kết thúc nhanh gọn hơn, giảm bớt thời gian, không gây phiền hà cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

Kết luận thanh tra có sức thuyết phục, chỉ rõ vi phạm, khuyết điểm; xử lý phù hợp với tính chất, mức độ mà pháp luật quy định nhằm giúp các doanh nghiệp và các cá nhân tham gia vào hoạt động du lịch khắc phục, sửa chữa được nhiều yếu kém, khuyết điểm, vi phạm.

Sau thanh tra, kiểm tra phải có thông báo cụ thể đến cá nhân, tập thể được thanh tra biết, thực hiện và theo dõi việc thực hiện kết luận sau thanh tra đến đâu. Có như vậy, công tác thanh tra mới đạt hiệu quả cao.

Xử lý kỷ luật trong thanh tra không phải là chủ yếu mà để hỗ trợ, giúp

đỡ, khắc phục kịp thời những sai lệch, vi phạm. Tuy nhiên, cần xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động du lịch, đối với những doanh nghiệp cố ý vi phạm nhiều lần cần sử dụng các biện pháp mạnh như thu hồi giấy phép, chuyển cơ quan pháp luật.

3.2.4. Nhóm giải pháp liên quan đến tuyên truyền, giáo dục pháp luật về hoạt động du lịch

Để hình thành một không gian địa bàn du lịch và môi trường du lịch chuyên nghiệp, thân thiện, vận hành hiệu quả trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách về du lịch nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, giá trị của các hoạt động du lịch, những kiến thức liên quan đến du lịch cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan chính quyền, các cấp quản lý ngành du lịch và cho toàn thể nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Công tác tuyên truyền có thể được thực hiện thông qua một số kênh như: thông qua sinh hoạt của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể; thông qua tập huấn, bồi dưỡng; thông qua hệ thống các phương tiện truyền thông; đưa các nội dung vào các cấp học; thông qua tổ chức các sự kiện du lịch.

Có thể nói du lịch là ngành kinh tế mang lại nguồn lợi rất lớn cả về mặt kinh tế và xã hội, làm thay đổi bộ mặt của quốc gia, làm giảm sự chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng trong cả nước, đồng thời cũng góp phần không nhỏ trong việc khôi phục các ngành nghề thủ công truyền thống ở các địa phương. Tuy nhiên không ai cũng nhận thức được tầm quan trọng của ngành công nghiệp không khói này. Chính vì vậy cần tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng của ngành du lịch đối với các cấp, các ngành và cộng đồng, tạo ra sự nhất quán cả về nhận thức tới hành động trong việc phát triển du lịch nhanh và bền vững thông qua những biện pháp cụ thể, thiết thực và tiếp cận trực tiếp tới cộng đồng như hỗ trợ phục hồi các làng nghề

truyền thống của người dân địa phương, chú trọng đến vấn đề giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho các hộ dân và quan tâm đến lợi ích của cộng đồng dân cư nơi dự án được thực hiện qua đó nâng cao dần nhận thức cho quần chúng nhân dân về vai trò của hoạt động du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Và tăng cường giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân, tuyên truyền tổ chức, cá nhân nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về du lịch; tổ chức quán triệt và chỉ đạo thực hiện các văn bản pháp luật của các cơ quan nhà nước các cấp cho các doanh nghiệp du lịch; xây dựng môi trường hoạt động kinh doanh lành mạnh, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực du lịch.

KẾT LUẬN

Hội nhập kinh tế quốc tế đã mang lại cho nước ta nói chung và Quảng Ngãi nói riêng nhiều cơ hội để phát triển du lịch. Du lịch của Quảng Ngãi những năm qua đã có nhiều kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, nhiều yêu cầu của hoạt động du lịch vẫn chưa được thực hiện đầy đủ. Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển du lịch của tỉnh là sự quản lý của nhà nước đối với lĩnh vực này. Trong thời gian đến, để du lịch phát triển nhanh, bền vững thì việc hoàn thiện quản lý nhà nước về du lịch là vô cùng quan trọng. Việc hoàn thiện quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch không những phát triển các hoạt động du lịch, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Với tinh thần đó, luận văn đã giải quyết được một số vấn đề được coi là chủ yếu và then chốt nhất đó là:

- Luận văn đã hệ thống hóa và làm rõ thêm những vấn đề lý luận cơ bản về du lịch và quản lý nhà nước đối với du lịch của chính quyền cấp tỉnh hiện nay. Theo đó, luận văn đã nêu rõ khái niệm và vai trò của du lịch; quan niệm, vai trò của quản lý nhà nước về du lịch; nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch; yêu cầu đối với quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch ở nước ta hiện nay.

- Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động du lịch và quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch ở tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, từ đó rút ra những mặt tích cực, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch.

Để thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên, ngoài sự cố gắng của Sở VH, TT và DL tỉnh Quảng Ngãi đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương, địa phương. Có như vậy, các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về du lịch ở tỉnh Quảng Ngãi mà luận văn đề

ra có thể mang lại hiệu quả cao khi đưa vào thực thi.

Quản lý nhà nước về du lịch là vấn đề phức tạp, hơn nữa thời gian nghiên cứu và vốn kiến thức của tác giả còn hạn chế nên luận văn không tránh khỏi những khiếm khuyết. Mong rằng, với một vài ý kiến đóng góp nhỏ trong đề tài, với sự nỗ lực chung của toàn ngành DL, của Sở VH, TT và DL tỉnh Quảng Ngãi, công tác QLNN về DL sẽ sớm được hoàn thiện hơn, đủ năng lực đáp ứng đòi hỏi của sự phát triển. DL Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng để đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2007), Quyết định số 564/QĐ-BVHTTDL ngày 21-9, *Ban hành Chương trình hành động của ngành du lịch thực hiện chương trình hành động của Chính phủ sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) giai đoạn 2007-2012.*
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2007), Quyết định số 564/QĐ-BVHTTDL ngày 21-9, *Ban hành Chương trình hành động của ngành du lịch thực hiện chương trình hành động của Chính phủ sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) giai đoạn 2007-2012.*
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ (2008), Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 06-6, *Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và thông tin thuộc UBND cấp huyện.*
4. Bộ Nội vụ (2005), Thông tư số 48/2005/TT-BNV ngày 29-4, *Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp UBND quản lý nhà nước về du lịch ở địa phương.*
5. Chính phủ (2006), Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7-9, *Về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.*
6. Chính phủ (2008), Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04-02, *Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.*
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình khoa học quản lý*, Hà Nội.
12. Học viện hành chính quốc gia (2003), *Hành chính công*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
13. Học viện Hành chính quốc gia (2010), *Giáo trình Khoa học quản lý*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
14. Hội đồng Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (1966), *Từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam*, Hà Nội.
15. Học Viện Hành Chính (2009), *Thuật ngữ hành chính*, Viện nghiên cứu khoa học hành chính, Hà Nội, tr239, 259, 261.
16. Kết luận số 395-KL/TU ngày 12/12/2013 của Tỉnh ủy về kiểm điểm 02 năm thực hiện kết luận số 136-KL/TU ngày 08/12/2011 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ bảy (khóa XVIII) về phát triển du lịch Quảng Ngãi giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020.
17. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi, *Hướng dẫn số 289/HD-SVHTTDL ngày 19/3/2015 của về hướng dẫn quản lý hoạt động kinh doanh lưu trú theo loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê trên địa bàn huyện Lý Sơn*.
18. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 194/2005/QĐ-TTg ngày 04-8, phê duyệt Đề án: *Phương hướng và giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Khu vực miền Trung - Tây Nguyên*.
19. Tỉnh ủy Quảng Ngãi, *Kết luận số 136-KL/TU ngày 08/12/2011 của Tỉnh ủy lần thứ 7 (khóa XVIII) về phát triển du lịch Quảng Ngãi giai*

đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

20. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, *Kế hoạch số 1863/KH-UBND ngày 24/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai chương trình kích cầu du lịch tỉnh Quảng Ngãi năm 2015 – 2016.*
21. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, *Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 20/6/2012 về ban hành quy định quản lý các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.*
22. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, *Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.*
23. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, *Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch phân khu Khu du lịch Mỹ Khê - tỷ lệ 1/2000;*
24. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, *Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 05/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 Khu du lịch Đặng Thùy Trâm.*
25. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, *Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.*
26. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, *Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Quy hoạch phát triển Du lịch huyện đảo Lý Sơn.*
27. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, *Chỉ thị số 25/CT-UBND ngày 23/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác giữ gìn trật tự, trị an và quản lý bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.*

28. Ủy ban thường vụ Quốc Hội (2005), *Luật Du lịch*, Hà Nội.
29. Trần Xuân Ảnh (2007), "*Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về thị trường du lịch*", Tạp chí Quản lý nhà nước, số 132.
30. Nguyễn Minh Đức (2007), "*Quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại, du lịch tỉnh Sơn La trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*", Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
31. Nguyễn Văn Đính và Trần Thị Minh Hòa (2006), *Giáo trình kinh tế du lịch, Đại học kinh tế Quốc Dân*, NXB Lao Động – xã hội, Hà Nội 24 -26
32. TS. Đỗ Thị Thanh Hoa (2005) "*Nghiên cứu đề xuất giải pháp đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch Việt Nam tại một số thị trường du lịch quốc tế trọng điểm*", Đề tài cấp nhà nước, Viện nghiên cứu phát triển du lịch.
33. Trần Thị Kim Hoa (2015), *Quản lý nhà nước về du lịch từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*, Luận văn thạc sỹ chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, Học viện khoa học xã hội.
34. Nguyễn Văn Hậu (2007), *Vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường*, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 139.
35. Nguyễn Văn Mạnh (2007), "*Đề du lịch Việt Nam phát triển nhanh và bền vững sau khi gia nhập WTO*", Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 115.
36. Vũ Khoan (2005), "*Đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn vào năm 2010*", Tạp chí Du lịch, số 11.
37. Nguyễn Văn Mạnh (2007), *Đề du lịch Việt Nam phát triển nhanh và bền vững sau khi gia nhập WTO*, Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 115.
38. Ths. Lê Văn Minh (2006), *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đầu tư phát triển khu du lịch*, Đề tài cấp bộ, Viện Nghiên cứu phát triển du lịch.

39. Trịnh Đăng Thanh (2004) "*Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch ở Việt Nam hiện nay*", Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
40. Trịnh Đăng Thanh (2004) "*Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch ở Việt Nam hiện nay*", Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
41. Trịnh Đăng Thanh (2004), "*Một số suy nghĩ về công tác quản lý nhà nước đối với ngành du lịch*", Tạp chí Quản lý nhà nước, số 98.
42. Võ Thị Thắng (2001), "*Tăng cường quản lý nhà nước để du lịch Việt Nam phát huy vai trò ngành kinh tế mũi nhọn*", Tạp chí Quản lý nhà nước, số 7.
43. Hoàng Anh Tuấn (2007), "*Du lịch Việt Nam - Thành tựu và phát triển*", Tạp chí Quản lý nhà nước, số 133.
44. Trần Nguyễn Tuyên (2005), "*Du lịch Việt Nam phát triển theo hướng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*", Tạp chí Quản lý nhà nước, số 114.
45. Lê Trọng (2007), "*Lý Sơn – Đảo Du lịch lí tưởng*", Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.
46. Lê Hoàng Tân (2011), "*Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020*", Luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại học Đà Nẵng.
47. Cao Thanh Thuận, "*Nghiên cứu phát triển du lịch huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi*", Luận văn thạc sỹ chuyên ngành Du lịch, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.